

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : HỒ THỊ TUYẾT
Giảng viên hướng dẫn: TS. TRƯƠNG THỊ THỦY

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**KẾ TOÁN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐA ĐỘ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : HỒ THI TUYẾT
Giảng viên hướng dẫn: TS. TRƯƠNG THỊ THỦY**

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: HỒ THỊ TUYẾT

Mã SV: 110103

Lớp: QT1104K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

**Tên đề tài: Kế toán Tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên
khai thác công trình thủy lợi Đa Độ**

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về cơ cấu tổ chức kế toán kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp**
- Mô tả và phân tích thực trạng kế toán TSCĐ tại công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ**
- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.**

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình tăng giảm TSCĐ của công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.**
- Số liệu về thực trạng tổ chức kế toán TSCĐ tại công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.**

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

**Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Đa Độ
Địa chỉ: Km57, Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng.**

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trương Thị Thủy

Học hàm, học vị: PGS-Tiến sĩ

Cơ quan công tác: Học viện tài chính

Nội dung hướng dẫn: Khoá luận tốt nghiệp

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

LỜI NÓI ĐẦU

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước kế toán là một công việc quan trọng phục vụ cho việc hạch toán và quản lý kinh tế, nó còn có vai trò tích cực đối với việc quản lý các tài sản và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng của quá trình sản xuất. TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm được hao phí sức lao động của con người, nâng cao năng suất lao động. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Kế toán TSCĐ là một khâu quan trọng trong bộ phận kế toán. Bởi vì nó cung cấp toàn bộ các nguồn thông tin, số liệu về tình hình TSCĐ của công ty. Chính vì vậy, hạch toán TSCĐ luôn luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý kinh tế của Nhà nước. Với xu thế ngày càng phát triển và hoàn thiện của nền kinh tế thị trường ở nước ta thì các quan niệm về TSCĐ và cách hạch toán trước đây không còn phù hợp nữa cần phải bổ sung, sửa đổi, cải tiến kịp thời để phục vụ yêu cầu hạch toán TSCĐ trong doanh nghiệp hiện nay.

Qua quá trình làm việc và thực tập, tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ Hải Phòng, em thấy việc hạch toán TSCĐ còn có những vấn đề chưa hợp lý cần phải hoàn thiện bộ máy kế toán của Công ty. Cùng với sự hướng dẫn của cô giáo và các cán bộ nhân viên phòng kế toán em đã chọn đề tài: "*Kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ Hải Phòng*". Ngoài mở đầu và kết luận, bài viết của em được chia làm 3 chương, bao gồm:

Chương I: Lý luận cơ bản về kế toán TSCĐ

Chương II: Thực trạng kế toán TSCĐ tại công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ

Chương III : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Đa Độ

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của TSCĐ trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm

TSCĐ trong các doanh nghiệp là những tư liệu lao động chủ yếu và các tài sản khác có giá trị lớn, tham gia nhiều vào chu kỳ sản xuất kinh doanh và giá trị của nó được chuyển dịch dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ra trong các chu kỳ sản xuất.

TSCĐ là các tư liệu lao động chủ yếu như nhà xưởng, máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý. Đây là những TSCĐ có hình thái cụ thể, đa dạng về kiểu dáng, phong phú về chủng loại, người ta có thể định dạng mô tả chúng. Ngoài ra còn có những tài sản không có hình thái hiện vật nhưng cũng tham gia vào nhiều chu kỳ SXKD như quyền sử dụng đất, bằng phát minh sáng chế... Song không phải mọi tư liệu lao động đều là TSCĐ mà chỉ có những tài sản thoả mãn các điều kiện của chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính kế toán của nhà nước quy định phù hợp trong từng thời kỳ.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam(số 03) quy định : TSCĐ hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất cụ thể do doanh nghiệp nắm giữ sử dụng cho hoạt động SXKD phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ. Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thoả mãn đồng thời 04 tiêu chuẩn sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó
- Nguyên giá TSCĐ phải được xác định một cách đáng tin cậy
- Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm
- Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (số 04): TSCĐ vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm

giữ , sử dụng trong SXKD, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ.

1.1.2.Đặc điểm

- Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh và vẫn giữ được hình thái vật chất ban đầu đến khi hư hỏng phải loại bỏ.
- Giá trị TSCĐ bị hao mòn dần với những TSCĐ dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và giá trị của chúng được dịch chuyển dần dần, từng phần vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động khác : như hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, dự án ... giá trị TSCĐ bị tiêu dùng dần trong quá trình sử dụng. Đối với TSCĐ vô hình, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì cũng bị hao mòn do tiến bộ khoa học kỹ thuật.

1.1.3. Vai trò của TSCĐ

Trong điều kiện thị trường, để tồn tại và phát triển các doanh nghiệp không ngừng phấn đấu để đạt mục tiêu tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó các mục tiêu như cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động , thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước,..., cũng là vấn đề bức xúc cho doanh nghiệp trong thời kỳ đổi mới . Muốn làm được điều này thì biện pháp then chốt đối với các doanh nghiệp là chú trọng đến việc đổi mới công nghệ , nói cách khác là phải đổi mới TSCĐ mà cụ thể là máy móc thiết bị.Vì vậy hiện nay xu hướng tỷ trọng TSCĐ là máy móc thiết bị được đầu tư mới càng nhiều. Đặc biệt trong điều kiện khoa học kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì vai trò của TSCĐ ngày càng được khẳng định

⇒ Nói tóm lại, TSCĐ là cơ sở vật chất có ý nghĩa to lớn đối với các doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp biết đầu tư trang bị và sử dụng hợp lý TSCĐ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khẳng định mình trên thị trường. Sự cải tiến, hoàn thiện, đổi mới sử dụng có hiệu quả TSCĐ là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế quốc dân nói chung và của mỗi doanh nghiệp nói riêng.

1.2. Yêu cầu quản lý Tài sản cố định

- Về mặt hiện vật: Cần theo dõi, kiểm tra chặt chẽ tình hình trang bị và sử dụng TSCĐ, và quan trọng hơn là phải duy trì thường xuyên năng lực sản xuất ban đầu của

nó. Trong quá trình sử dụng không làm mất mát TSCĐ, không để TSCĐ hư hỏng trước thời hạn quy định, thực hiện đúng quy chế bảo dưỡng, sửa chữa, sử dụng. Công

ty kịp thời thanh lý các TSCĐ khi TSCĐ đã khấu hao hết hoặc chưa khấu hao hết nhưng đã hỏng

- Về mặt giá trị: Phải quản lý chặt chẽ tình hình hao mòn. Việc trích và phân bổ khấu hao một cách khoa học hợp lý để thu hồi vốn đầu tư phục vụ cho việc tái đầu tư sản xuất. Hạn chế tối đa ảnh hưởng của hao mòn vô hình. Giá trị còn lại của TSCĐ một cách chính xác giúp doanh nghiệp kịp thời đổi mới trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tóm lại, quản lý tốt không những đảm bảo cho năng lực sản xuất TSCĐ mà còn đảm bảo cho lợi ích của doanh nghiệp. Vì vậy, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải thực hiện tốt công tác quản lý TSCĐ

1.3. Phân loại

1.3.1. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện vật chất kết hợp với tính chất đầu tư

Theo cách phân loại này, TSCĐ trong doanh nghiệp được phân thành: TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và TSCĐ thuê tài chính

- TSCĐ hữu hình

TSCĐ hữu hình là các tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất cụ thể, có giá trị lớn và có thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, một tư liệu lao động nếu thoả mãn đồng thời cả 4 tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là TSCĐ:

- + Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó
- + Nguyên giá TSCĐ phải được xác định một cách đáng tin cậy

- + Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm
- + Có giá trị theo quy định hiện hành

Thuộc loại tài sản này gồm có:

- + Nhà cửa, vật kiến trúc: là TSCĐ của Doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công và xây dựng như nhà kho, xưởng sản xuất, cửa hang...
- + Thiết bị, dụng cụ quản lý: thiết bị sử dụng trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh như thiết bị điện tử, máy tính...
- + Máy móc thiết bị: là tất cả máy móc thiết bị sử dụng trong sản xuất kinh doanh như máy móc thiết bị động lực, máy móc thiết bị công nghệ...
- + Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm.
- + Phương tiện vận tải, truyền dẫn như ô tô, máy kéo, tàu thuyền vận chuyển, đường ống dẫn nước, dẫn hơi, dẫn khí...
- + Tài sản cố định khác.
 - TSCĐ vô hình.

Là những tài sản không có hình thái vật chất cụ thể nhưng xác định được giá trị phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.

Thuộc loại này gồm có:

- + Quyền sử dụng đất.
- + Quyền phát hành.
- + Phần mềm máy vi tính.
- + Giấy phép, giấy chuyển nhượng.
- + Bản quyền, bằng sáng chế.
- + Nhãn hiệu hàng hoá
- + TSCĐ vô hình khác.
- TSCĐ thuê tài chính:

Là những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính và thoả mãn các tiêu chuẩn của thuê tài chính TSCĐ.

Theo cách phân loại này cho biết kết cấu của từng loại TSCĐ theo đặc trưng kỹ thuật Công ty có những loại TSCĐ nào, tỷ trọng của từng loại của TSCĐ chiếm

trong tổng nguyên giá TSCĐ là bao nhiêu? Điều này giúp cho Công ty quản lý và sử dụng TSCĐ một cách hợp lý, xác định cụ thể thời gian hữu ích của TSCĐ để từ đó có biện pháp trích khấu hao hợp lý.

1.3.2. Phân loại theo nguồn hình thành

Theo cách phân loại này, TSCĐ được phân thành các loại sau:

- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng vốn được cấp
- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn vay.
- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung.
- TSCĐ do liên doanh liên kết với đơn vị trong và ngoài nước.

Qua cách phân loại này ta biết được TSCĐ của Doanh nghiệp được hình thành từ nguồn vốn nào để từ đó có kế hoạch đầu tư hợp lý trong việc mua sắm TSCĐ.

1.3.3. Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng và công dụng.

Theo cách phân loại này TSCĐ được phân thành :

- TSCĐ đang dùng
- TSCĐ chưa dùng
- TSCĐ không cần dùng
- TSCĐ chờ thanh lý

Cách phân loại này cho thấy tình hình sử dụng TSCĐ thực tế của doanh nghiệp, từ đó có phương hướng cụ thể với việc sử dụng tài sản cho hiệu quả nhất.

1.4. Đánh giá Tài sản cố định

Đánh giá TSCĐ là việc xác định giá trị ghi sổ của TSCĐ. Trong mọi trường hợp , TSCĐ phải được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại. Do vậy, việc ghi sổ phải đảm bảo phản ánh được tất cả 3 chỉ tiêu về giá trị của TSCĐ là: Nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

1.4.1. Xác định Giá trị ban đầu của TSCĐ

Giá trị ban đầu của TSCĐ ghi trong sổ kế toán còn gọi là nguyên giá TSCĐ. Nguyên giá TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản đó và đưa TSCĐ đó vào tư thế sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được xác định theo nguyên tắc giá phí, tức là nguyên giá TSCĐ bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan đến việc mua hoặc xây dựng, chế tạo TSCĐ kể cả các chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử và các chi phí hợp lý cần thiết khác trước khi sử dụng tài sản.

Nguyên giá TSCĐ được xác định cho từng đối tượng ghi TSCĐ là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một số chức năng nhất định

TSCĐ của doanh nghiệp bao gồm nhiều loại được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau. Với mỗi nguồn hình thành cũng như đặc điểm cấu thành nguyên giá của TSCĐ không giống nhau. Tuy nhiên các doanh nghiệp có thể xác định nguyên giá TSCĐ trong một số trường hợp sau :

1.4.1.1. Nguyên giá TSCĐ hữu hình

- TSCĐ do mua sắm. Nguyên giá được xác định theo 2 trường hợp:

Nguyên giá TSCĐ mua sắm gồm giá mua thực tế phải trả (đã trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá được hưởng) và cộng với các khoản thuế không được hoàn lại (nếu có) cùng với các khoản phí tổn mới chi ra liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, thuế trước bạ, chi phí sửa chữa tân trang...) trừ các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử.

Đối với TSCĐ mua sắm dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì kế toán phải phản ánh giá trị TSCĐ theo giá mua chưa thuế GTGT

Đối với TSCĐ mua sắm dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, hoặc dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án, phúc lợi kế toán phải phản ánh giá trị TSCĐ theo tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT.

- TSCĐ do bộ phận xây dựng cơ bản bàn giao: Nguyên giá là giá trị quyết toán của công trình xây dựng cùng với khoản chi phí khác có liên quan và thuế trước bạ (nếu có).

- TSCĐ do bên nhận thầu bàn giao: Nguyên giá là giá phải trả cho bên nhận thầu cộng với các khoản phí tổn mới trước khi dùng (chạy thử, thuế trước bạ...) và trừ đi các khoản giảm giá (nếu có).

- TSCĐ hữu hình mua trả chậm: Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm được phản ánh theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh theo kỳ hạch toán.
- TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế: Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của TSCĐ tự xây dựng hoặc tự chế cộng với chi phí lắp đặt chạy thử.
- TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi: Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc với một tài sản khác, được xác định theo giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về.
- TSCĐ được cấp, được điều chuyển đến:
 - + Nếu đơn vị hạch toán độc lập: Nguyên giá bao gồm giá trị còn lại ghi sổ ở đơn vị cấp (hoặc giá trị thực tế của hội đồng giao nhận) cộng với chi phí vận chuyển bốc dỡ, chạy thử (nếu có).
 - + Nếu điều chuyển giữa đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc: Nguyên giá, giá trị còn lại và số trích khấu hao lũy kế được ghi theo sổ của đơn vị cấp. Các phí tổn mới trước khi dùng được phản ánh vào chi phí kinh doanh mà không tính vào nguyên giá.
- TSCĐ góp vốn liên doanh, nhận tặng thưởng, viện trợ, nhận lại vốn góp liên doanh: Nguyên giá tính theo giá trị đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận cùng với các phí tổn mới trước khi dùng (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ được xác định khi tăng TSCĐ và hầu như không thay đổi trong suốt quá trình TSCĐ tồn tại ở doanh nghiệp, chỉ thay đổi trong trường hợp:

- + Đánh giá lại TSCĐ theo quyết định của Nhà nước.
- + Xây lắp trang bị thêm cho TSCĐ.
- + Thay đổi bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng.
- + Cải tiến bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra.
- + Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.
- + Tháo dỡ một số bộ phận của TSCĐ .

Khi thay đổi nguyên giá Doanh nghiệp phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và phải xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại, số khấu hao lũy kế để phản ánh kịp thời vào sổ sách.

1.4.1.2. Nguyên giá TSCĐ vô hình

- TSCĐ vô hình loại mua sắm riêng biệt: Nguyên giá TSCĐ vô hình mua riêng biệt, bao gồm giá mua trừ các khoản được chiết khấu thương mại (hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính. Trường hợp quyền sử dụng đất được mua cùng với mua nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải được xác định riêng biệt và ghi nhận là TSCĐ vô hình.
- Trường hợp TSCĐ vô hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm, nguyên giá của TSCĐ vô hình được phản ánh theo giá mua trả ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá TSCĐ vô hình (vốn hóa) theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.
- Nếu TSCĐ vô hình hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị, nguyên giá TSCĐ vô hình là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

- TSCĐ vô hình hình thành từ việc sáp nhập doanh nghiệp: Nguyên giá TSCĐ vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua (ngày sáp nhập DN).
- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn: Nguyên giá TSCĐ vô hình là quyền chuyển nhượng đất có thời hạn khi được giao đất hoặc số tiền trả khi nhận chuyển nhượng sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh. Trường hợp quyền sử dụng đất được chuyển nhượng cùng với mua nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị của nhà cửa, vật kiến trúc phải được xác định riêng biệt và ghi nhận là TSCĐ hữu hình.
- TSCĐ vô hình được biếu tặng hoặc được nhà nước cấp: Nguyên giá TSCĐ vô hình được nhà nước cấp hoặc được tặng, biếu, được xác định theo giá trị hợp lý ban đầu cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.
- TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi: Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về hoặc bằng giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự (tài sản tương tự là tài sản có công dụng tương tự, trong cùng lĩnh vực kinh doanh và có giá trị tương đương). Trong cả hai trường hợp không có bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi. Nguyên giá TSCĐ vô hình nhận về được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.
- TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN: TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN được đánh giá ban đầu theo nguyên giá là toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình đến khi TSCĐ vô hình được đưa vào sử dụng. Các chi phí phát sinh trước thời điểm này phải tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực

tiếp hoặc được phân bổ theo tiêu thức hợp lý và nhất quán từ các khâu thiết kế, xây dựng, sản xuất thử nghiệm đến chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính. Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN bao gồm:

- (a) Chi phí nguyên liệu, vật liệu hoặc dịch vụ đã sử dụng trong việc tạo ra TSCĐ vô hình;
- (b) Tiền lương, tiền công và các chi phí khác liên quan đến việc thuê nhân viên trực tiếp tham gia vào việc tạo ra tài sản đó;
- (c) Các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc tạo ra tài sản, như chi phí đăng ký quyền pháp lý, khấu hao bằng sáng chế phát minh và giấy phép được sử dụng để tạo ra tài sản đó;
- (d) Chi phí sản xuất chung được phân bổ theo tiêu thức hợp lý và nhất quán vào tài sản (Ví dụ: phân bổ khấu hao nhà xưởng, máy móc thiết bị, phí bảo hiểm, tiền thuê nhà xưởng, thiết bị).

Các chi phí sau đây không được tính vào nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN:

- (a) Chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN và chi phí sản xuất chung không liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng;
- (b) Các chi phí không hợp lý như: nguyên liệu, vật liệu lãng phí, chi phí lao động, các khoản chi phí khác sử dụng vượt quá mức bình thường;
- (c) Chi phí đào tạo nhân viên để vận hành tài sản..

1.4.1.3. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính

Được xác định theo giá hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính không bao gồm thuế GTGT bên cho thuê đã trả khi mua TSCĐ để cho thuê (số thuế này sẽ phải hoàn lại cho thuê, kể cả trường hợp TSCĐ thuê tài chính đi vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ hoặc chịu thuế GTGT tình theo phương pháp trực tiếp.

Chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê tài chính được tính vào nguyên giá của tài sản thuê như chi phí đàm phán, ký kết hợp đồng thuê, chi phí vận chuyển bốc dỡ, lắp đặt chạy thử mà bên thuê phải chi ra.

Nguyên giá TSCĐ đã ghi nhận ban đầu không được thay đổi trừ một số trường hợp quy định trong nguyên tắc đánh giá lại

Việc đánh giá TSCĐ theo nguyên giá có ý nghĩa quan trọng : Thông qua chỉ tiêu nguyên giá người sử dụng thông tin đánh giá tổng quát trình độ trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật và quy mô của doanh nghiệp; nó còn là cơ sở để tính khấu hao, theo dõi tình hình thu hồi vốn đầu tư ban đầu và phân tích tình hình sử dụng TSCĐ

1.4.2. Xác định giá trị TSCĐ trong quá trình nắm giữ, sử dụng

Trong quá trình sử dụng TSCĐ bị hao mòn dần về mặt vật chất và giá trị cũng giảm dần, doan nghiệp cần nắm được nguyên giá, số khấu hao lũy kế và giá trị còn lại, những chi phí phát sinh sau khi ghi nhận nguyên giá ban đầu

Sau khi ghi nhận nguyên giá ban đầu trong quá trình sử dụng nguyên giá TSCĐ được theo dõi trên sổ kế toán không thay đổi nếu không có quy định khác. Trong trường hợp phát sinh các khoản chi phí liên quan đến TSCĐ như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp thì các chi phí này được xử lý như sau:

- Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu chúng được xác định một cách đáng tin cậy và chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó như: Tăng thời gian sử dụng, tăng công suất, tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra, giảm chi phí hoạt động của tài sản

- Các chi phí khác không làm tăng lợi ích kinh tế tương lai của TSCĐ thì không được ghi tăng nguyên giá, tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

*** Giá trị còn lại**

Giá trị còn lại của TSCĐ là phần giá trị của TSCĐ chưa chuyển dịch vào giá trị của sản phẩm sản xuất ra

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Nguyên giá} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Số khấu hao lũy kế} \\ \text{của tài sản} \end{array}$$

Trong quá trình sử dụng TSCĐ giá trị hao mòn lũy kế ngày càng tăng lên và giá trị còn lại được phản ánh trên sổ kế toán và trên báo cáo tài chính ngày càng giảm đi. Điều đó phản ánh đúng giá trị của TSCĐ chuyển dịch dần dần từng phần vào giá trị của sản phẩm được sản xuất ra. Kế toán theo dõi, ghi chép giá trị còn lại nhằm cung cấp số liệu cho doanh nghiệp xác định phần vốn đầu tư còn lại ở TSCĐ cần phải được thu hồi. Đồng thời thông qua chỉ tiêu giá trị còn lại của TSCĐ, có thể

đánh giá hiện trạng TSCĐ của đơn vị cũ hay mới để có cơ sở đề ra các quyết định về đầu tư bổ sung, sửa chữa, đổi mới TSCĐ...

***Đánh giá lại TSCĐ.**

Trong quá trình sử dụng, do nhiều nguyên nhân, giá trị ghi sổ ban đầu của TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ. Số liệu kế toán về giá trị TSCĐ sẽ không đủ tin cậy cho việc xác định các chỉ tiêu có liên quan đến TSCĐ nữa. Do đó cần thiết phải đánh giá lại TSCĐ theo mặt bằng giá ở một số thời điểm nhất định.

Đánh giá TSCĐ phải thực hiện theo quy định của nhà nước và chỉ đánh giá lại trong các trường hợp sau:

- Nhà nước có quyết định đánh giá lại TSCĐ
- Cổ phần hoá doanh nghiệp
- Chia, tách, giải thể doanh nghiệp
- Góp vốn liên doanh...

Khi đánh giá lại TSCĐ phải xác định cả chỉ tiêu nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ. Thông thường, giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại được điều chỉnh theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} \\ \text{sau khi đánh giá lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của} \\ \text{TSCĐ trước khi} \\ \text{đánh giá} \end{array} \times \frac{\text{Giá đánh lại của TSCĐ}}{\text{Nguyên giá cũ của TSCĐ}}$$

Ngoài ra, giá trị còn lại của TSCĐ còn được xác định theo giá trị thực tế tại thời điểm đánh giá lại dựa vào biên bản kiểm kê và đánh giá lại TSCĐ.

1.5. Kế toán chi tiết TSCĐ

1.5.1. Xác định đối tượng ghi TSCĐ

TSCĐ của doanh nghiệp là các tài sản có giá trị lớn cần phải được quản lý đơn chiếc. Để phục vụ công tác kế toán phải ghi sổ theo từng đối tượng ghi TSCĐ

Đối tượng ghi TSCĐ hữu hình là từng vật kết cấu hoàn chỉnh bao gồm cả vật gờ lắp và phụ tùng kèm theo. Đối tượng ghi TSCĐ có thể là một vật thể riêng biệt về mặt kết cấu có thể thực hiện được những chức năng độc lập nhất định hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau không thể tách rời để cùng thực hiện một số chức năng nhất định

Đối tượng ghi TSCĐ vô hình là từng TSCĐ vô hình gắn với một nội dung chi phí và một mục đích riêng mà doanh nghiệp có thể xác định một cách riêng biệt, có thể kiểm soát và thu được lợi ích kinh tế từ việc nắm giữ tài sản.

Để tiện cho việc theo dõi, quản lý, phải tiến hành đánh số cho từng đối tượng ghi TSCĐ. Mỗi đối tượng ghi TSCĐ phải có số hiệu riêng. Việc đánh số TSCĐ là do các doanh nghiệp tự quy định tùy theo điều kiện cụ thể của doanh nghiệp đó nhưng phải đảm bảo tính thuận tiện trong việc nhận biết TSCĐ theo nhóm, theo loại tuyệt đối không trùng lặp.

1.5.2. Nội dung kế toán chi tiết TSCĐ***a. Kế toán chi tiết tăng tài sản cố định***

Khi có TSCĐ mới đưa vào sử dụng, Doanh nghiệp phải lập hội đồng giao nhận gồm có đại diện bên giao, đại diện bên nhận và một số uỷ viên để lập "Biên bản giao nhận TSCĐ" cho từng đối tượng TSCĐ. Đối với những TSCĐ cùng loại, giao nhận cùng một lúc, do cùng một đơn vị chuyển giao thì có thể lập chung một biên bản. Sau đó phòng kế toán phải sao lục cho mỗi đối tượng ghi TSCĐ một bản để lưu vào hồ sơ riêng cho từng TSCĐ. Mỗi bộ hồ sơ TSCĐ bao gồm "Biên bản giao nhận TSCĐ", hợp đồng, hoá đơn mua TSCĐ, các bản sao tài liệu kỹ thuật và các chứng từ khác có liên quan. Căn cứ vào hồ sơ TSCĐ, kế toán mở thẻ TSCĐ để theo dõi chi tiết từng TSCĐ của Doanh nghiệp. Thẻ TSCĐ do kế toán TSCĐ lập, kế toán trưởng ký xác nhận. thẻ này được lưu ở phòng kế toán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ. Khi lập xong, thẻ TSCĐ được dùng để ghi vào "Sổ

tài sản cố định", sổ này được lập chung cho toàn Doanh nghiệp một quyển và từng đơn vị sử dụng mỗi nơi một quyển.

Chúng từ kế toán:

- Biên bản giao nhận TSCĐ: nhằm xác định việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành xây dựng, mua sắm, được biếu tặng....đưa vào sử dụng tại các đơn vị hoặc TS của đơn vị bàn giao cho đơn vị khác theo lệnh của cấp trên, theo hợp đồng liên doanh.

Biên bản giao nhận TSCĐ (mẫu 01-TSCĐ/HĐ) lập cho từng loại TSCĐ, đối với trường hợp giao nhận cùng một lúc nhiều TS cùng loại, cùng giá trị và do cùng một đơn vị giao nhận có thể lập chung một biên bản giao nhận. Biên bản này được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ một bản, chuyển cho phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ, thẻ và các sổ kế toán có liên quan.

- Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (mẫu số 04- TSCĐ):

Là biên bản xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ sửa chữa với bên thực hiện việc sửa chữa và là căn cứ ghi sổ kế toán và thanh toán chi phí sửa chữa TSCĐ. Biên bản giao nhận này lập thành 2 bản, hai bên giao nhận cùng ký và mỗi bên giữ một bản, sau đó chuyển cho kế toán trưởng ký duyệt và lưu lại tại phòng kế toán.

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ (mẫu số 05- TSCĐ):

Là xác nhận việc đánh giá lại TSCĐ và làm căn cứ để ghi sổ kế toán và các tài liệu liên quan đến số chênh lệch (tăng) do đánh giá lại TSCĐ. Biên bản này được lập thành hai bản, một bản lưu tại phòng kế toán, một bản lưu cùng với hồ sơ kỹ thuật của TSCĐ.

- Thẻ TSCĐ (mẫu 02-TSCĐ/BB) ;

Là công cụ để ghi chép kịp thời và đầy đủ các tài liệu hạch toán có liên quan đến quá trình sử dụng TSCĐ từ khi nhập đến khi thanh lý hoặc chuyển giao cho đơn vị khác. Thẻ TSCĐ dùng để theo dõi chi tiết từng TSCĐ của đơn vị, tình hình thay đổi nguyên giá và giá trị hao mòn đã trích hàng năm của từng TSCĐ. Thẻ TSCĐ dùng chung cho mọi TSCĐ và riêng từng đối tượng ghi TSCĐ, do kế

toán lập, kế toán trưởng ký xác nhận. Căn cứ lập thẻ là biên bản giao nhận TSCĐ và các tài liệu kỹ thuật có liên quan. Thẻ được lưu ở bộ phận kế toán trong suốt thời gian sử dụng. Căn cứ vào các nghiệp vụ phát sinh khấu hao, sửa chữa lớn, xây dựng trang bị thêm hoặc tháo dỡ một số bộ phận, thanh lý, nhượng bán, kế toán phải ghi chép kịp thời các biến động vào thẻ.

- Ngoài các chứng từ trên DN còn sử dụng các chứng từ khác như: hoá đơn mua hàng, hoá đơn cước phí vận chuyển, lệ phí trước bạ, tờ kê khai thuế nhập khẩu, các chứng từ thanh toán.....để minh chứng cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời dựa trên các hồ sơ khác bao gồm :

+) Hồ sơ kỹ thuật: theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật của TSCĐ, hồ sơ này do phòng kỹ thuật quản lý.

+) Hồ sơ kinh tế: bao gồm các hợp đồng kinh tế, các hoá đơn, biên bản nghiệm thu về kỹ thuật của TSCĐ, biên bản giao nhận, các chứng từ thanh toán.

b. Kế toán chi tiết giảm tài sản cố định

TSCĐ của Doanh nghiệp có thể giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau như điều chuyển cho đơn vị khác, đem đi góp vốn liên doanh, nhượng bán, thanh lý ... tùy theo từng trường hợp giảm TSCĐ mà Doanh nghiệp phải lập chứng từ như " Biên bản giao nhận TSCĐ", " Biên bản thanh lý TSCĐ" ... Trên cơ sở các chứng từ này kế toán ghi giảm TSCĐ trên các "Sổ tài sản cố định".

Trường hợp di chuyển TSCĐ giữa các bộ phận trong Doanh nghiệp thì kế toán ghi giảm TSCĐ trên " Sổ tài sản cố định" của bộ phận giao và ghi tăng trên "Sổ tài sản cố định " của bộ phận nhận

- Biên bản thanh lý TSCĐ (mẫu số 03 - TSCĐ):

Là xác nhận việc thanh lý TSCĐ và làm căn cứ ghi giảm TSCĐ trên sổ kế toán. Biên bản thanh lý phải do ban thanh lý TSCĐ lập và có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của trưởng ban thanh lý, kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị.

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ (mẫu số 05- TSCĐ):

Là xác nhận việc đánh giá lại TSCĐ và làm căn cứ để ghi sổ kế toán và các tài liệu liên quan đến số chênh lệch (giảm) do đánh giá lại TSCĐ. Biên bản này được lập thành hai bản, một bản lưu tại phòng kế toán, một bản lưu cùng với hồ sơ kỹ

thuật của TSCĐ.c. Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán áp dụng trong kế toán chi tiết TSCĐ

Để theo dõi chi tiết TSCĐ kế toán sử dụng 2 loại sổ chi tiết sau:

Sổ TSCĐ : Sổ này dùng chung cho toàn doanh nghiệp, sổ này mở căn cứ vào cách thức phân loại TS theo đặc trưng kỹ thuật, Số lượng sổ này tùy thuộc vào từng loại chủng loại TSCĐ.

Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng giảm và khấu hao

Sổ chi tiết TSCĐ: (theo đơn vị sử dụng)

Mỗi một đơn vị hoặc một bộ phận sử dụng phải mở một sổ để theo dõi TSCĐ. Căn cứ để ghi là các chứng từ tăng, giảm TSCĐ

Ngoài 2 mẫu sổ chi tiết trên DN có thể mở các sổ chi tiết khác theo yêu cầu quản lý.

1.6. Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 211: Tài sản cố định hữu hình: dùng để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm của TSCĐ hữu hình tại doanh nghiệp theo Nguyên giá (trừ TSCĐ thuê ngoài)

Tài khoản 212: Tài sản cố định thuê tài chính

Tài khoản 213: Tài sản cố định vô hình

Tài khoản 214: Hao mòn TSCĐ

Ngoài các tài khoản cơ bản trên kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác.

1.6.1 Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ hữu hình.

❖ **Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ hữu hình**

Trường hợp 1: Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán phản ánh các nghiệp vụ:

NV1: TSCĐ hữu hình tăng do mua sắm bằng nguồn vốn chủ sở hữu, dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh(không phải thông qua quá trình lắp đặt)

- Bút toán 1: Phản ánh nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 211: Nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 133(1332): Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112...

Có TK 331: Phải trả cho người bán

- Bút toán 2: Kết chuyển nguồn vốn tương ứng(kết chuyển phân nguyên giá)

+ Nếu TSCĐ được đầu tư bằng quỹ chuyên dùng

Nợ TK 414: Quỹ đầu tư phát triển

Nợ TK 431 (4312): Quỹ phúc lợi

Nợ TK 441: Nguồn vốn đầu tư XDCB

Có TK 411: Nguồn vốn kinh doanh

+ Nếu TSCĐ được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh thì không phải ghi bút toán kết chuyển nguồn vốn.

NV2: TSCĐ hữu hình tăng do mua sắm bằng quỹ phúc lợi dùng cho hoạt động phúc lợi công cộng (không phải thông qua quá trình lắp đặt)

Bút toán 1: Ghi tăng nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 211

Có TK 111,112,331...: Tổng giá thanh toán bao gồm cả VAT đầu vào

Bút toán 2: Kết chuyển nguồn vốn tương ứng

Nợ TK 4312 :Ghi giảm quỹ phúc lợi

Có TK 4313 : Ghi tăng quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ

NV3: TSCĐ tăng do mua sắm từ nguồn nhập khẩu

Bút toán 1: Phản ánh giá nhập khẩu TSCĐ theo tỉ giá giao dịch

Nợ TK 211: Giá nhập khẩu TSCĐ theo tỉ giá giao dịch.

Nợ(Có) TK 635(515): Lỗ hoặc lãi(+,-) tỉ giá

Có TK 1112,1122: Giá nhập khẩu TSCĐ theo tỉ giá xuất ngoại tệ.

Bút toán 2: Phản ánh thuế nhập khẩu phải nộp vào nguyên giá TSCĐ (Giá tính thuế NK là giá NK)

Nợ TK 211

Có TK 333(3333): Thuế nhập khẩu

Bút toán 3: Phản ánh thuế Tiêu thụ đặc biệt của hàng nhập khẩu phải nộp

Nợ TK 211

Có TK 3332

Bút toán 4: Phản ánh thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu

Nợ TK 133(1332)

Có TK 333(33312)

NV4: TSCĐ hữu hình tăng do mua sắm phải thông qua lắp đặt chạy thử trong thời gian dài

Bút toán 1: Tập hợp chi phí lắp đặt chạy thử.

Nợ TK 241(2411) : Tập hợp chi phí thực tế

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111,112.331,341

Bút toán 2: Ghi tăng nguyên giá TSCĐ khi hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng

Nợ TK 211

Có TK 241 (2411)

Bút toán 3: Kết chuyển nguồn vốn giống như TSCĐ mua sắm bằng nguồn vốn chủ sở hữu

NV5: TSCĐ tăng do mua sắm theo phương thức trả góp

Bút toán !: Phản ánh nguyên giá và lãi trả góp

Nợ TK 211: Nguyên giá (ghi theo giá mua trả tiền ngay)

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 242 : Chi phí trả trước dài hạn (phần lãi trả chậm)

Có TK 331 : Tổng giá thanh toán

Bút toán 2: Định kỳ:

+ Thanh toán tiền cho người bán (bao gồm cả gốc và lãi trả chậm)

Nợ TK 331

Có TK 111 ,112

Phân bổ lãi trả chậm trả góp theo chi phí

Nợ TK 635 : Chi phí tài chính

Có TK 242 : Chi phí trả trước dài hạn

NV6: TSCĐ hữu hình tăng do mua sắm theo hình thức trao đổi

-Trường hợp 1: Giá trị trao đổi bằng nhau (trao đổi với TSCĐ hữu hình tương tự không tạo doanh thu)

Khi nhận TSCĐ hữu hình đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động sản xuất kinh doanh

Nợ TK 211: Nguyên giá TSCĐ hữu hình nhận về, (ghi theo giá trị còn lại của tài sản đem đi trao đổi)

Nợ TK 214 : Hao mòn lũy kế của tài sản đem đi

Có TK 211 : Nguyên giá của tài sản đem đi

-Trường hợp 2: Giá trị trao đổi không bằng nhau

Bút toán 1: Ghi giảm nguyên giá TSCĐ đem trao đổi

Nợ TK 811 : Giá trị còn lại của tài sản đem trao đổi

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn lũy kế

Có TK 211 : Giảm nguyên giá tài sản đem trao đổi

Bút toán 2: Phản ánh thu nhập do trao đổi TSCĐ

Nợ TK 131 : Tổng giá thanh toán

Có TK 711 : Giá trao đổi theo thỏa thuận

Có TK 33311 : Thuế GTGT đầu ra (nếu có)

Bút toán 3: Ghi tăng giá TSCĐ hữu hình nhận về do trao đổi

Nợ TK 211: Nguyên giá của tài sản nhận về (giá trao đổi)

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào (nếu có)

Có TK 131 : Tổng giá thanh toán

Bút toán 4: Phản ánh số tiền thu thêm do giá trị hợp lý của tài sản đem đi >

Giá trị hợp lý của tài sản đem về

Nợ TK 111, 112 : Số tiền đã thu thêm

Có 131

Bút toán 5: Phản ánh số tiền trả thêm do giá trị hợp lý của tài sản đem đi < giá trị hợp lý của tài sản nhận về.

Nợ TK 131 : Số tiền đã trả thêm

Có TK 111, 112.

NV7 : TSCĐ tăng do đánh giá lại TSCĐ hữu hình

Bút toán 1: Phân chênh lệch tăng nguyên giá

Nợ TK 211

Có TK 412

Bút toán 2: Phân chênh lệch giá trị hao mòn (nếu có)

Nợ TK 412

Có TK 214

NV8 : TSCĐ hữu hình tăng do doanh nghiệp tự xây dựng

Bút toán 1: Tập hợp các chi phí phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản

Nợ TK 2412:

Nợ TK 133

Có TK 112, 112, 152, 214, 331, 334...

Bút toán 2: Khi XDCB hoàn thành , bàn giao đưa vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh, căn cứ vào quyết toán XDCB được duyệt, kế toán ghi tăng nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 211

Có TK 2412

Bút toán 3: Kết chuyển nguồn vốn giống như TSCĐ mua sắm bằng nguồn vốn chủ sở hữu

NV9: TSCĐ hữu hình tăng do nhận biếu tặng, nhận tài trợ

Bút toán 1: Phản ánh nguyên giá:

Nợ TK 211

Có TK 711 : Thu nhập khác

Bút toán 2: Phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến TSCĐ hữu hình được biếu tặng , được nhận tài trợ

Nợ TK 211

Có TK 111, 112, 311

NV10 : TSCĐ hữu hình tăng do được cấp vốn , được điều chuyển từ đơn vị khác đến

Nợ TK 211

Có TK 411

NV11: TSCĐ hữu hình tăng do phát hiện thừa do kiểm kê (thực tế > sổ sách)

Bút toán 1: Bổ sung tăng nguyên giá

Nợ TK 211: Nguyên giá

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào (nếu có)

Có TK 111, 331...

Bút toán 2:

Bổ sung tăng giá trị hao mòn

Nợ TK 627, 641, 642: Tính bổ sung khấu hao đối với TSCĐ dùng vào hoạt động kinh doanh

Nợ TK 4313, 466 : Tính bổ sung khấu hao đối với TSCĐ dùng vào hoạt động phúc lợi , hoạt động sự nghiệp, hoạt động dự án

Có TK 214

Bút toán 3: Kết chuyển nguồn vốn tương ứng

Nếu thừa chưa rõ nguyên nhân, trong thời gian chờ xử lý, kế toán ghi

Nợ TK 211 : Nguyên giá

Có TK 214 : Giá trị hao mòn (nếu là TSCĐ đã qua sử dụng)

Có TK 338 (3381) : Giá trị còn lại

Trường hợp 2: Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc thuế GTGT đầu vào của TSCĐ mua về không được khấu trừ (do TSCĐ dùng vào hoạt động sự nghiệp, hoạt động phúc lợi , chương trình , dự án, hoạt động SXKD mặt hàng không thuộc diện chịu thuế GTGT) thì nguyên giá của TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT đầu vào .Vì vậy kế toán không còn sử dụng tài khoản 133.

❖ Kế toán biến động giảm TSCĐ hữu hình

Trường hợp 1: Đối với Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

NV1: TSCĐ hữu hình giảm do nhượng bán

Bút toán 1: Xóa sổ nguyên giá TSCĐ nhượng bán (căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ)

Nợ TK 214 : Giá trị hao mòn

Nợ TK 811: Giá trị còn lại đưa vào chi phí khác

Có TK 211 : Nguyên giá

Bút toán 2: Phản ánh doanh thu về nhượng bán (căn cứ vào hóa đơn)

Nợ TK 111, 112, 131...: Tổng giá thanh toán

Có TK 711: Doanh thu nhượng bán chưa có thuế GTGT

Có TK 3331: Thuế GTGT đầu ra (nếu có).

Bút toán 3: Phản ánh các chi phí liên quan đến nhượng bán

Nợ TK 811: Tập hợp chi phí liên quan đến nhượng bán

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào (nếu có)

Có TK liên quan : 111, 112, 331, 152...

NV2: TSCĐ hữu hình giảm do thanh lý

Bút toán 1: Xóa sổ nguyên giá TSCĐ : Kế toán ghi tương tự như nhượng bán

Bút toán 2: Phản ánh số thu hồi về thanh lý

Nợ TK 111, 112 : Thu bằng tiền

Nợ TK 152, 153 : Phế liệu thu hồi nhập kho

Nợ TK 131, 138 : Bán chịu

Có TK 711 : Thu nhập về thanh lý

Có TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra (nếu có)

Bút toán 3: Tập hợp chi phí liên quan đến thanh lý (tự làm hoặc thuê ngoài) Nợ

TK 811 : Tập hợp chi phí liên quan đến thanh lý

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào (nếu có)

Có TK liên quan : 111, 112 ,331 ,152...

NV3: TSCĐ hữu hình giảm do phát hiện thiếu qua kiểm kê (trường hợp đối với TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thiếu chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý)

Bút toán 1: Phản ánh nguyên giá TSCĐ bị thiếu chờ xử lý

Nợ TK 214 : Giá trị hao mòn

Nợ TK 138 (1381) : Giá trị thiếu chờ xử lý (Giá trị còn lại)

Có TK 211 : Nguyên giá

Bút toán 2: Khi có quyết định xử lý , căn cứ vào biên bản , kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112, 1388, 334, 811...

Có TK 138 (1381)

NV4 : TSCĐ hữu hình giảm do mang đi góp vốn

TSCĐ mang đi góp vốn , do không thuộc quyền sử dụng của doanh nghiệp nữa , nên được coi như khấu hao hết giá trị 1 lần. Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp được chấp thuận với giá trị còn lại trên sổ kế toán được hạch toán vào TK 811 hoặc TK 711, kế toán ghi:

Nợ TK 128 : Giá trị vốn góp được chấp thuận (Góp ngắn hạn)

Nợ TK 222, 223, 228 : Giá trị vốn góp được chấp thuận (Góp dài hạn)

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn lũy kế (nếu có)

Nợ (Có) TK 811 (711): Chênh lệch đánh giá lại

Có TK 211: Nguyên giá

NV5: TSCĐ hữu hình giảm do trả lại vốn góp

Doanh nghiệp trả lại vốn góp khi hết hạn hợp đồng liên doanh , liên kết hoặc khi các bên tham gia rút vốn về.

Bút toán 1: Xóa sổ nguyên giá TSCĐ đã trả cho bên tham gia góp vốn

Nợ TK 411 : Giá trị còn lại

Nợ TK 214 : Giá trị hao mòn

Có TK 211: Nguyên giá

Bút toán 2: Thanh toán nốt số vốn góp còn lại do giá thỏa thuận của TSCĐ trao trả nhỏ hơn tổng số vốn đã góp của bên tham gia

Nợ TK 411 : Chi tiết vốn góp

Có TK 111, 112 : Trả lại bằng tiền

Có TK 711 : Số phạt vi phạm hợp đồng trừ vào số vốn góp phải trả

Trường hợp 2: Đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì trong giá thanh lý , nhượng bán TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT đầu ra. Vì vậy trong kỳ kế toán không sử dụng TK 3331.

1.6.2. Kế toán tổng hợp tăng giảm TSCĐ vô hình

❖ Kế toán biến động tăng TSCĐ vô hình

Hầu hết các nghiệp vụ làm tăng TSCĐ vô hình được hạch toán tương tự như tăng TSCĐ hữu hình . Ngoài ra:

NV1: TSCĐ vô hình tăng do được quyền sử dụng đất có thời hạn

Nợ TK 213

Có TK 411(4111)

NV2: TSCĐ vô hình tăng do mua sắm nhà cửa vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất. đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nợ TK 211: Nguyên giá TSCĐ hữu hình (Chi tiết nhà cửa , vật kiến trúc)

Nợ TK 213: Nguyên giá TSCĐ vô hình (chi tiết quyền sử dụng đất)

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111,112,311...

❖ Kế toán biên động giảm TSCĐ vô hình

Hầu hết các nghiệp vụ biên động giảm TSCĐ vô hình được hạch toán tương tự như giảm TSCĐ hữu hình . Ngoài ra:

NV1: Trong trường hợp TSCĐ đã khấu hao hết (trích đủ khấu hao) thì phải xóa sổ TSCĐ vô hình theo bút toán:

Nợ TK 214 (2143)

Có TK 213

NV2: Khi xét thấy TSCĐ vô hình không thu được lợi ích kinh tế từ việc sử dụng tiếp theo hoặc xét thấy không đủ tiêu chuẩn, kế toán ghi giảm TSCĐ vô hình

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn lũy kế

Nợ TK 623,627,641,642 :Giá trị còn lại nhỏ được tính hết vào chi phí

Nợ TK 142,242: Giá trị còn lại phải phân bổ dần

Có TK 213: Nguyên giá.

1.6.3. Kế toán hao mòn và khấu hao tài sản cố định.

❖ Hao mòn (HM) và khấu hao (KH)TSCĐ

Trong quá trình sử dụng , do nhiều nguyên nhân khác nhau TSCĐ của doanh nghiệp bị hao mòn.Hao mòn TSCĐ là sự giảm dần về giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ do TSCĐ tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh

nghiệp, do bào mòn tự nhiên, do tiến bộ kỹ thuật... TSCĐ bị hao mòn dưới hai hình thức:

- Hao mòn hữu hình: Là sự giảm sút về giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ do các TSCĐ tham gia vào sản xuất kinh doanh và do các nguyên nhân tự nhiên.
- Hao mòn vô hình: Là sự giảm sút thuần túy về giá trị của TSCĐ do nguyên nhân tiến bộ khoa học kỹ thuật gây ra.

Đối với những TSCĐ được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phần giá trị hao mòn của chúng được chuyển dịch vào giá trị của sản phẩm hàng hóa dịch vụ được sáng tạo ra phần giá trị hao mòn đó được gọi là khấu hao TSCĐ.

Như vậy, về bản chất giá trị hao mòn TSCĐ chính là phần giá trị TSCĐ bị hao mòn và dịch chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Khấu hao TSCĐ là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian sử dụng TSCĐ.

Mọi TSCĐ hiện có của doanh nghiệp có liên quan đến sản xuất kinh doanh (gồm cả tài sản chưa cần dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) đều phải trích khấu hao đưa vào chi phí theo quy định hiện hành.

+) Khấu hao đối với TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

+) Khấu hao đối với TSCĐ chưa dùng, không cần dùng hoặc chờ thanh lý được hạch toán vào chi phí khác.

Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm.

Doanh nghiệp không được tính và trích khấu hao đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng vào hoạt động kinh doanh.

Đối với TSCĐ chưa khấu hao hết nhưng đã bị hỏng thì doanh nghiệp phải xác định nguyên nhân để quy trách nhiệm đền bù hoặc tính vào chi phí khác phần giá trị còn lại.

Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dự án hoặc dùng vào mục đích phúc lợi thì không phải trích khấu hao mà chỉ tính hao mòn TSCĐ vào cuối năm.

Những TSCĐ không tham gia và hoạt động sản xuất kinh doanh thì không phải trích khấu hao gồm:

- TSCĐ thuộc dự trữ Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý hộ, giữ hộ.
- TSCĐ phục vụ các hoạt động phúc lợi trong doanh nghiệp như nhà trẻ, câu lạc bộ, nhà truyền thống, nhà ăn... được đầu tư bằng quỹ phúc lợi.
- TSCĐ phục vụ nhu cầu chung toàn xã hội, Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý.
- TSCĐ khác không tham gia vào sản xuất kinh doanh.

Đối với TSCĐ vô hình, phải tùy thời gian phát huy hiệu quả để trích khấu hao tính từ khi TSCĐ được đưa vào sử dụng (Theo hợp đồng, cam kết, quyết định của cấp có thẩm quyền). Riêng đối với TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất xác định được thời hạn sử dụng. Nếu không xác định được thì không trích khấu hao.

Đối với TSCĐ thuê tài chính, trong quá trình sử dụng bên đi thuê phải trích khấu hao trong thời gian thuê theo hợp đồng tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi vốn.

❖ Phương pháp tính khấu hao

Phương pháp khấu hao đường thẳng

Theo phương pháp này, số khấu hao hàng năm không đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ.

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích} \\ \text{khấu hao bình} \\ \text{quần năm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng} \\ \text{(năm)}}$$

Tỉ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng:

$$\begin{array}{l} \text{Tỉ lệ khấu hao} \\ \text{theo phương pháp} \\ \text{đường thẳng} \end{array} = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng} \\ \text{của TSCĐ}} * 100$$

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

Theo phương pháp này số khấu hao hằng năm giảm dần trong suốt khoảng thời gian sử dụng hữu ích của tài sản

$$\begin{matrix} \text{Mức trích khấu hao} & & \text{Giá trị còn lại} \\ \text{Hằng năm của TSCĐ} & = & \text{của TSCĐ} \quad * \text{ Tỷ lệ khấu hao nhanh} \end{matrix}$$

Tỷ lệ khấu hao nhanh được xác định theo công thức sau:

$$\begin{matrix} \text{Tỷ lệ khấu hao} & = & \text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo} & & \text{Hệ số điều chỉnh} \\ \text{nhanh (\%)} & & \text{phương pháp đường thẳng} & * & \end{matrix}$$

- Hệ số điều chỉnh được xác định theo thời gian sử dụng của TSCĐ

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm (t < 4 năm)	1.5
Trên 4 đến 6 năm (4 năm < t ≤ 6 năm)	2.0
Trên 6 năm (t > 6 năm)	2.5

Phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm

$$\begin{matrix} \text{Mức trích khấu hao} & \text{Số lượng sản phẩm} & \text{Mức trích khấu hao bình} \\ \text{Tháng của TSCĐ} & = & \text{xuất thực tế trong tháng} * \text{quân tính cho 1 đơn vị} \\ \text{sản phẩm} & & \end{matrix}$$

$$\begin{matrix} \text{Mức khấu hao bình} & & \text{Nguyên giá của TSCĐ} \\ \text{quân tính cho 1 đơn vị} & = & \text{-----} \\ \text{sản phẩm} & & \text{Tổng sản lượng theo} \\ & & \text{công suất thiết kế} \end{matrix}$$

Thời gian tính khấu hao

Thời gian tính khấu hao phụ thuộc vào thời gian sử dụng TSCĐ . Có nhiều cách xác định thời gian sử dụng của TSCĐ

- Với TSCĐ hữu hình còn mới, khung thời gian sử dụng TSCĐ trong phụ lục 1, kèm theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Với TSCĐ đã qua sử dụng

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian sử dụng} \\ \text{của TSCĐ hữu hình} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hợp lí của TSCĐ hữu hình}}{\text{Giá bán của TSCĐ hữu hình mới cùng loại hoặc tương đương trên thị trường}} \times \begin{array}{l} \text{Giá bán của TSCĐ hữu hình} \\ \text{mới cùng loại hoặc tương} \\ \text{đương trên thị trường} \end{array}$$

Khấu hao trích trong tháng liên quan tới nhiều đối tượng sử dụng do vậy, căn cứ phản ánh vào từng đối tượng chịu chi phí khấu hao TSCĐ , kế toán lập “ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ”.

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ: Dùng để phản ánh số khấu hao TSCĐ phải trích và phân bổ số khấu hao đó cho các đối tượng sử dụng TSCĐ hàng tháng.

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ chia thành các cột dọc và cột ngang

+ Cột dọc : Phản ánh số khấu hao phải tính cho từng đối tượng sử dụng TSCĐ (như bộ phận sản xuất – TK 623,627, cho bộ phận bán hàng- TK 641 , cho bộ phận quản lí doanh nghiệp- TK 642...)

+ Cột ngang: phản ánh số khấu hao tính trong tháng trước , số khấu hao tăng, giảm và số khấu hao tính trong tháng này.

Cách lập : Dòng khấu hao đã tính tháng trước lấy từ bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng trước.

- Các dòng số khấu hao TSCĐ tăng, giảm tháng này được phản ánh chi tiết cho từng TSCĐ có liên quan đến số tăng giảm khấu hao TSCĐ theo chế độ quy định hiện hành về khấu hao TSCĐ.
- Dòng số khấu hao phải tính tháng này được tính bằng (=) số khấu hao tính tháng trước cộng (+) với số khấu hao tăng ,trừ (-) số khấu hao giảm trong tháng

Phương pháp hạch toán khấu hao TSCĐ

NV1: Định kì (tháng quý năm) căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao, kế toán tiến hành trích khấu hao đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh

Nợ TK 623(6234) : Khấu hao máy thi công (doanh nghiệp xây lắp)

Nợ TK 627 (6274) : Khấu hao TSCĐ phục vụ phân xưởng

Nợ TK 641 (6414) : Khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng

Nợ TK 642 (6424) : Khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp

Nợ TK : 241 (2412) : Khấu hao phục vụ xây dựng cơ bản

Nợ TK 811 : Khấu hao TSCĐ chưa dùng chờ thanh lý

Có TK 214: Số khấu hao TSCĐ phải trích kỳ này

NV2: Phản ánh số vốn khấu hao phải nộp hoặc đã nộp cho đơn vị cấp trên

Nợ TK : 411

Có TK 111, 112,336 : Số khấu hao hoặc đã nộp cho cấp trên

NV3: Cuối năm tài chính , kế toán phải xác định giá trị hao mòn của TSCĐ không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh (như TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dự án, phúc lợi.

Nợ TK 431: Hao mòn TSCĐ dùng cho hoạt động văn hóa phúc lợi

Nợ TK 466: Hao mòn TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp , dự án .

Có TK 214: Số hao mòn TSCĐ năm nay

1.6.4. Kế toán sửa chữa TSCĐ

- **Sửa chữa thường xuyên TSCĐ:** Là việc sửa chữa lặt vặt, mang tính duy tu bảo dưỡng thường xuyên TSCĐ. Do khối lượng công việc sửa chữa không nhiều, vì vậy chi phí sửa chữa phát sinh tính thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Nợ TK 627,641,642...

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào (Nếu thuê ngoài)

Có TK 111,112....

- **Sửa chữa lớn TSCĐ:** Là việc cải tạo thay thế những bộ phận TSCĐ bị hư hỏng trong quá trình sử dụng hoặc xây lắp, trang bị bổ sung thêm một số của TSCĐ. Do khối lượng công việc sửa chữa nhiều nên chi phí sửa chữa thường khá cao, thời gian sửa chữa thường kéo dài.

+) *Trường hợp doanh nghiệp tự làm*

NV1: Tập hợp chi phí sửa chữa ,cải tạo nâng cấp TSCĐ hữu hình

Nợ TK 241(2413) Nợ TK 133(1332)

Có TK 111,112,152...

NV2: Khi công việc sửa chữa , nâng cấp TSCĐ hoàn thành đưa vào sử dụng sau- Nếu thỏa mãn điều kiện tăng nguyên giá TSCĐ theo quy định về chi phí phát sinh ghi nhận ban đầu:

Nợ TK 211

Có TK 241 (2413)

- Nếu không thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ theo quy định về chi phí phát sinh ghi nhận ban đầu :

Nợ TK 335: Trường hợp đã trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Nợ TK 623,627,641,642: Giá trị sửa chữa nhỏ tính vào chi phí trong kỳ

Nợ TK 142: Giá trị sửa chữa lớn nhỏ phải phân bổ dần trong 1 năm

Nợ TK 242: Giá trị sửa chữa lớn lớn phải phân bổ trên 1 năm

Có TK 241 (2413) : Kết chuyển chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

+) *Trường hợp doanh nghiệp thuê ngoài*

Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành do bên nhận thầu bàn giao , căn cứ vào biên bản nghiệm thu, hóa đơn và các chứng từ liên quan:

Nợ TK 241 (2413)

Có TK 133(1332)

Có TK 331

1.6.5. Kế toán tổng hợp TSCĐ thuê tài chính

- Thuê tài chính: Là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê. Tài khoản sử dụng: TK 212(TSCĐ thuê tài chính)

Một số nghiệp vụ chủ yếu:

Trường hợp 1:

Trong thời hạn đi thuê đơn vị khấu hao TSCĐ thuê phân bổ vào nơi sử dụng TS (khấu hao theo thời gian hữu ích hoặc theo thời gian sử dụng TS)

Nợ TK 627,641,642

Có TK 2142

Trường hợp 2: Thanh lý hợp đồng thuê tài chính

Trường hợp doanh nghiệp mua lại quyền sở hữu TSCĐ thuê tài chính, kế toán ghi các bút toán để chuyển các chỉ tiêu giá trị TSCĐ thuê tài chính thành TSCĐ của doanh nghiệp

Kết chuyển nguyên giá

Nợ TK 211,213: Nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 133: Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (nếu có)

Có TK 212: Nguyên giá TSCĐ thuê

Có TK 111,112,331... Số tiền phải trả thêm

Chuyển giá trị hao mòn

Nợ TK 2142: Giá trị hao mòn TSCĐ thuê tài chính

Có TK 2141,2143

Kết chuyển nguồn nếu dùng vốn chủ sở hữu

Nợ TK 414,431,441... Nguồn vốn tương ứng

Có TK 411: Nguồn vốn tương ứng

Trả lại TS thuê tài chính

Nợ TK 2142: Giá trị hao mòn

Có TK 212: Nguyên giá tài sản cố định

1.6.6. Kế toán tổng hợp bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư : Là bất động sản bao gồm quyền sử dụng đất, nhà và cơ sở hạ tầng mà người chủ sở hữu nắm giữ với mục đích cho thuê hoạt động hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng hay bán trong kỳ

-Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu

NV01: Mua Bất động sản đầu tư, kế toán ghi

Nợ 217: Nguyên giá

Nợ 133: VAT đầu vào

Có TK 111,112...

NV02: Trích khấu hao Bất động sản đầu tư(Tương tự như các TSCĐ khác)

Nợ TK 632

Có TK 2147

NV03: Chuyển Bất động sản đầu tư thành hàng hoá để bán

Nợ TK 156(7): Giá trị còn lại

Nợ TK 214(7): Hao mòn lũy kế

Có TK 217: Nguyên giá

NV04: Chuyển Bất động sản đầu tư thành TSCĐ của doanh nghiệp

Bút toán 1: Kết chuyển Nguyên giá:

Nợ TK 211,213

Có TK 217

Bút toán 2: Kết chuyển hao mòn

Nợ TK 214(7)

Có TK 214(1),214(3)

NV05: Trường hợp chưa chuyển BĐS đầu tư thành hàng hoá mà đã thanh lý ,
nhượng bán

Bút toán 1: Xoá sổ

Nợ TK 632: Giá trị còn lại

Nợ TK 214(7): HMLK

Có TK 217: Nguyên giá

Bút toán 2: Phản ánh giá bán

Nợ TK 111,112...

Có TK 511

Có Tk 333(1)

Bút toán 3: Phản ánh chi phí thanh lý , nhượng bán

Nợ TK 632

Nợ TK 133

Có TK 111, 112...

1.7.Hệ thống sổ sách kế toán áp dụng trong kế toán tổng hợp TSCĐ

Tùy thuộc vào hình thức sổ mà doanh nghiệp áp dụng

a. **Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức nhật ký sổ cái:** Sổ tổng hợp là sổ nhật ký sổ cái mở cho các tài khoản 211, 213, 214

b. **Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức nhật ký chung: Sổ tổng hợp bao gồm:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái mở cho các tài khoản 211, 213, 214

c. **Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức nhật ký chứng từ:**

* Các nhật ký chứng từ

- Nhật ký chứng từ ghi tăng TSCĐ gồm:

- + Nhật ký chứng từ số 1 - Ghi có tài khoản 111; Ghi nợ tài khoản 211, 212, 213
- + Nhật ký chứng từ số 2 - Ghi có tài khoản 112; Ghi nợ tài khoản 211, 212, 213
- + Nhật ký chứng từ số 4 - Ghi có tài khoản 341, 342; Ghi nợ tài khoản 211, 212, 213
- + Nhật ký chứng từ số 5 - Ghi có tài khoản 331; Ghi nợ tài khoản 211, 212, 213
- + Nhật ký chứng từ số 7 - Phần theo dõi TSCĐ tăng do XDCB hoàn thành
- + Nhật ký chứng từ số 10 - Theo dõi TSCĐ tăng do nhận vốn góp hoặc biếu tặng

- Nhật ký chứng từ ghi giảm TSCĐ

- + Nhật ký chứng từ số 9 : Nhật ký chứng từ ghi tăng khấu hao TSCĐ căn cứ vào chứng từ số 7
- phần khấu hao giảm : Căn cứ vào nhật ký chứng từ số 9 phần ghi có các TK 211, 212, 213 đối ứng Nợ TK 214

* Sổ cái các tài khoản 211, 212, 213, 214

d. **Nếu áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ: Sổ tổng hợp bao gồm:**

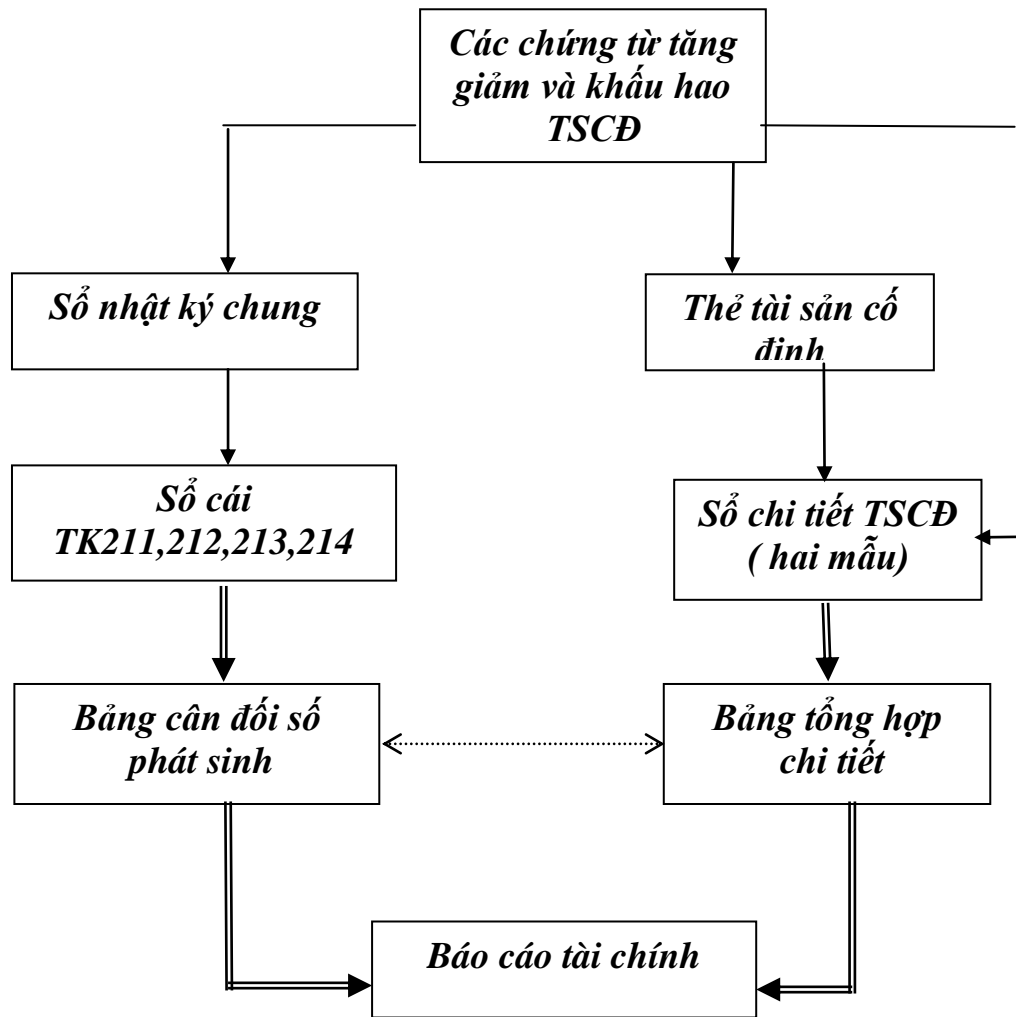
- Chứng từ ghi sổ lập riêng cho từng nghiệp vụ tăng, giảm, khấu hao

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

- Sổ cái mở cho các tài khoản 211, 212, 213, 214

e. Khái quát trình tự ghi sổ trong hạch toán TSCĐ theo các hình thức sổ kế toán khác nhau (cả tổng hợp và chi tiết)

Sơ đồ 1: Khái quát trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung

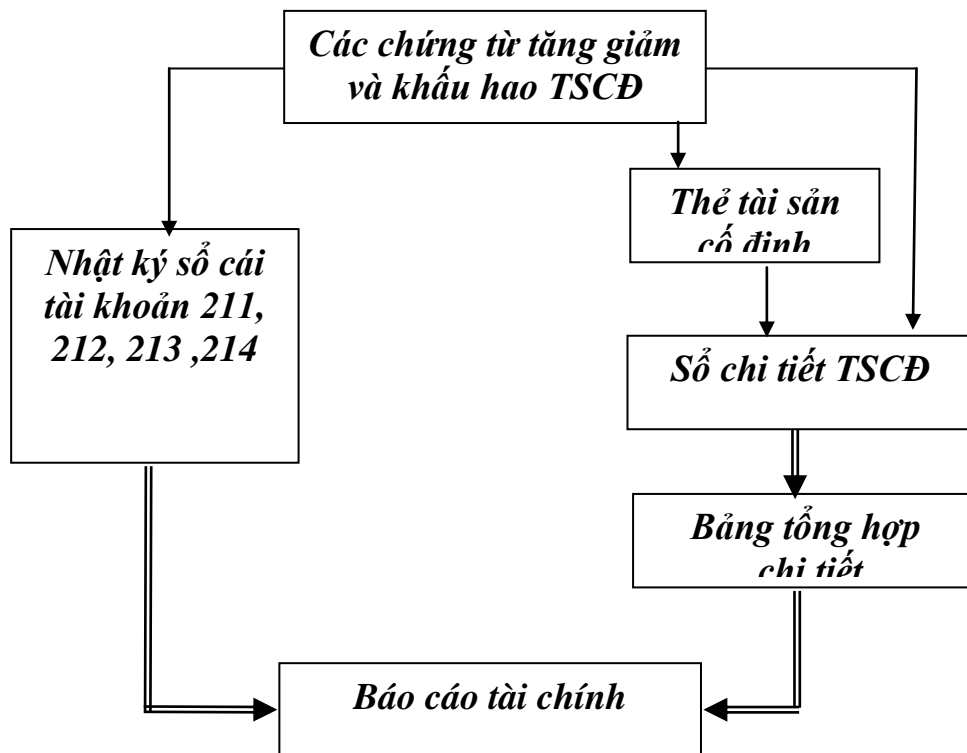


Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

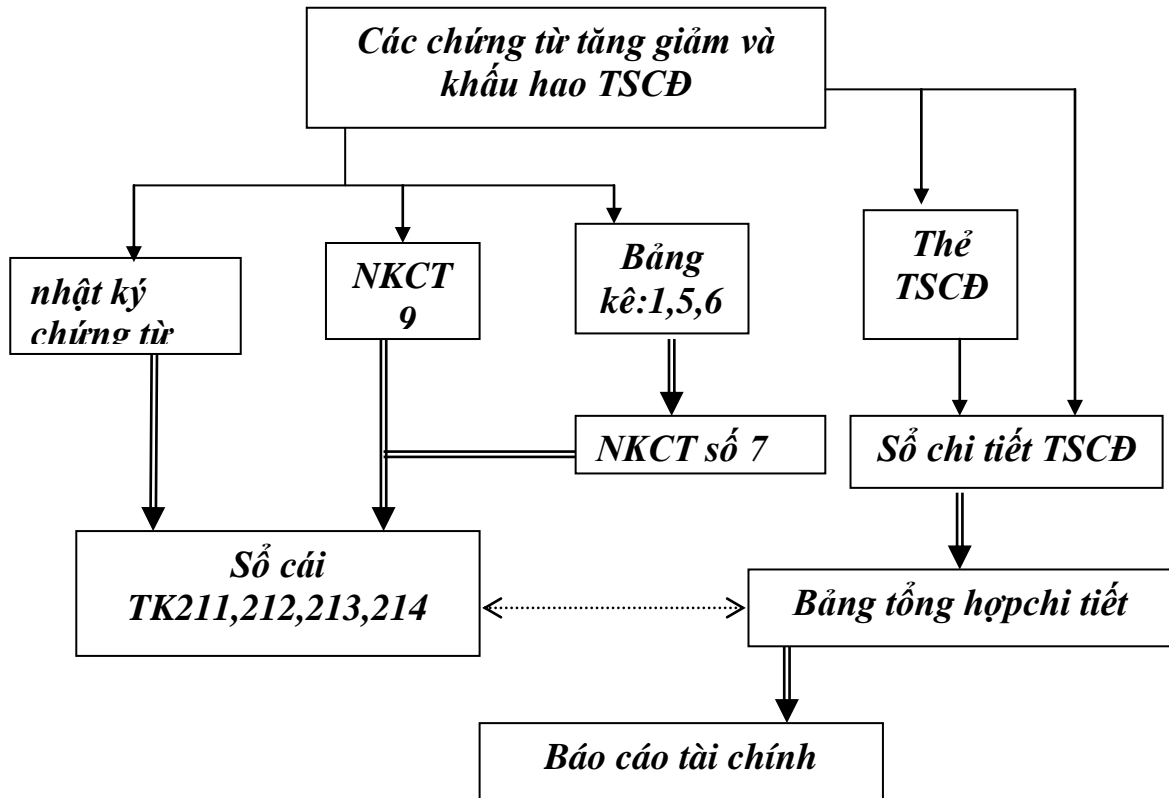
Đối chiếu <-.->

Sơ đồ 2: Khái quát trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký sổ cái



- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi định kỳ \Longrightarrow
- Đối chiếu \longleftrightarrow

Sơ đồ 3: Khái quát trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chứng từ



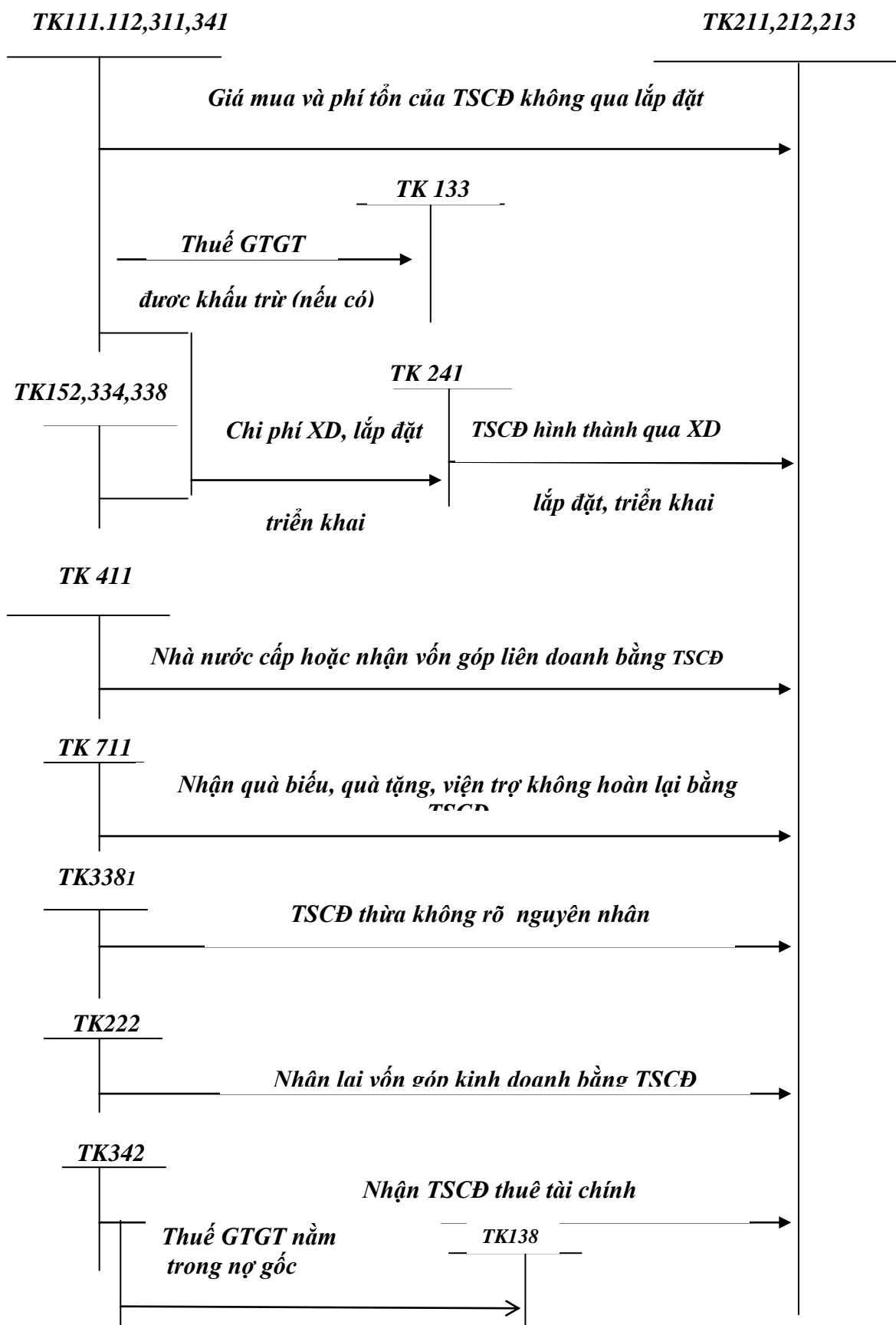
Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kỳ \Longrightarrow

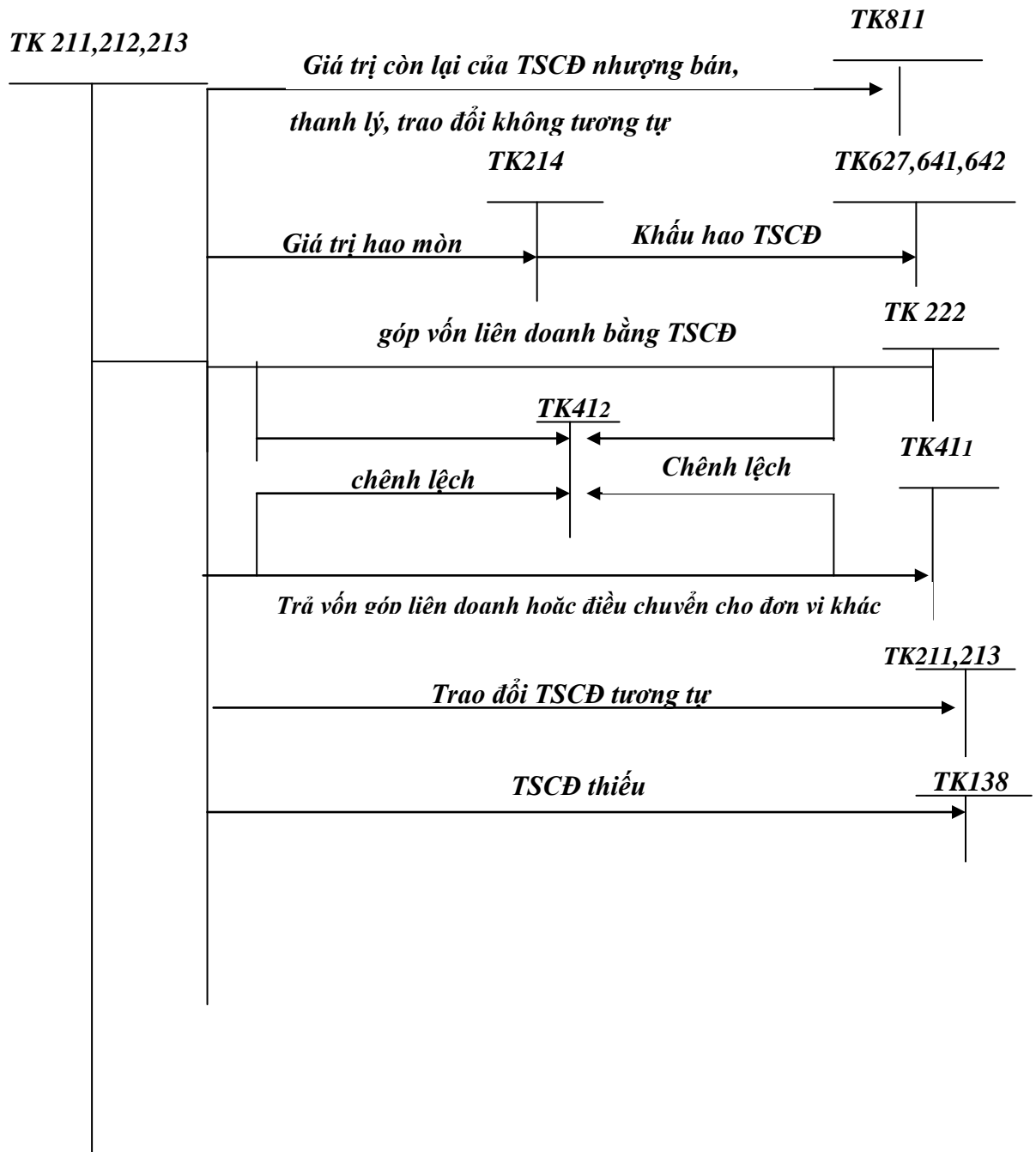
Đối chiếu \longleftrightarrow

Ta có thể khái quát quá trình tăng giảm TSCĐ qua các sơ đồ sau:

Sơ đồ 5: Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ



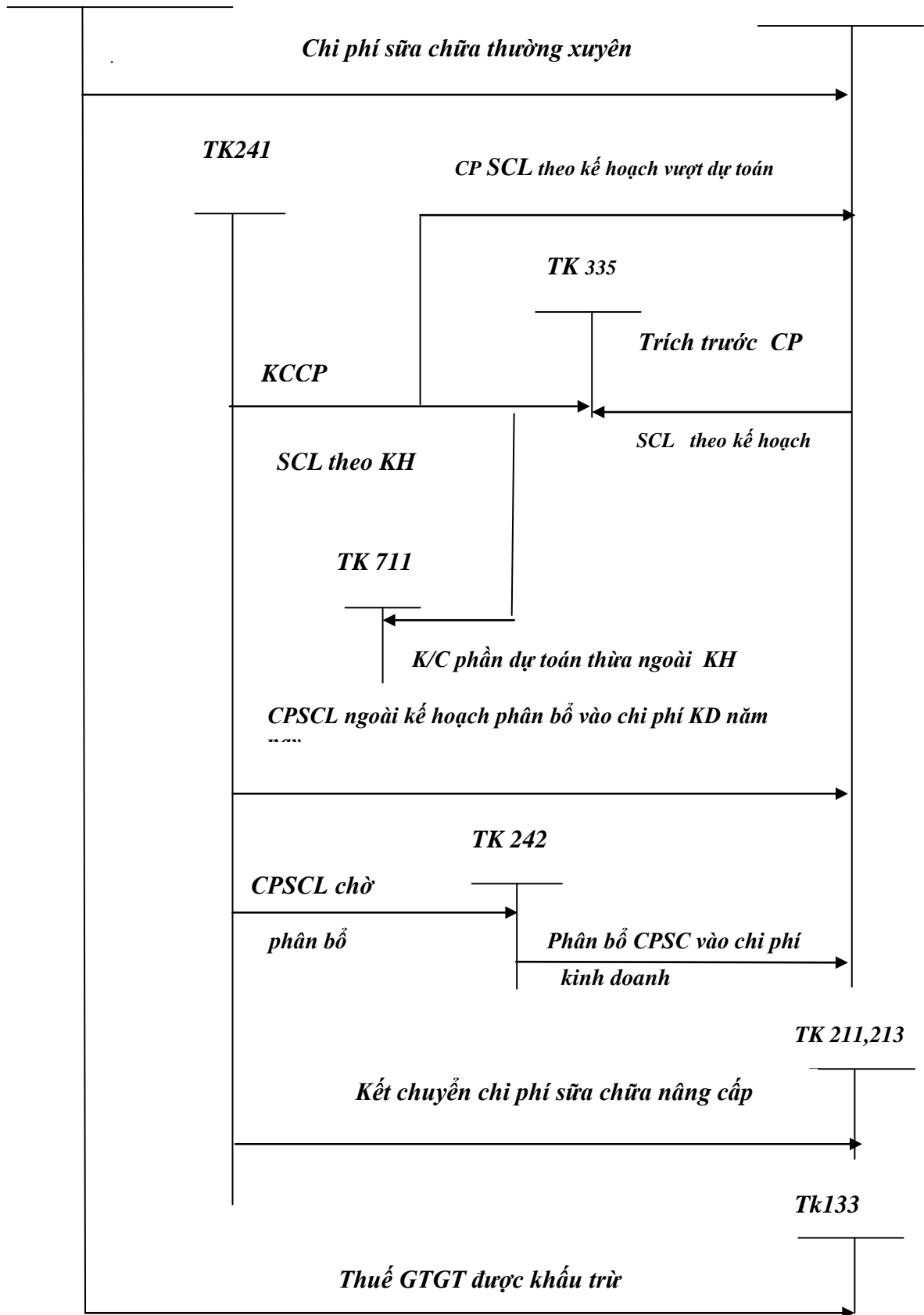
Sơ đồ 6 Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ



Sơ đồ 7: Kế toán tổng hợp sửa chữa TSCĐ

TK 111,112,331,334,338

TK627,641,642



CHƯƠNG II: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ

2.1 Khái quát về công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Đa Độ nguyên là con sông thiên nhiên bắt nguồn từ sông Văn Úc chảy theo hướng Tây Bắc- Đông Nam ra biển Đông, con sông có chiều dài $L= 50\text{km}$, đã được cải tạo ngọt hoá và đầu tư xây dựng trở thành hệ thống công trình thủy lợi liên huyện thuộc thành phố Hải Phòng. Về quy mô kết cấu của công trình thủy lợi Đa Độ đã được hoàn thiện đồng bộ, vận hành thông suốt khép kín từ đầu mối đến mặt ruộng theo một quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống thống nhất. Trước năm 1993, hệ thống này được tổ chức quản lý mô hình phân cấp huyện, khai thác công trình thủy lợi theo lãnh thổ.

Sông trực chính Đa Độ làm nhiệm vụ điều hoà nguồn nước tưới tiêu với nhiều công trình chủ yếu như:

+ Hệ thống công trình thủy lợi đầu mối làm nhiệm vụ tưới, được xây dựng năm 1980 có quy mô lớn nhất hệ thống.

- Cống Trung Trang- An Lão: 32m cửa, lưu lượng QTK = $111\text{m}^3/\text{s}$

- Trạm bơm điện (Quang Hưng, Bát Trang) với 24 máy bơm có công suất $4000\text{m}^3/\text{giờ}$.

+ Hệ thống công trình thủy lợi đầu mối trên gồm:

- Cống Cổ Tiêu 1 và 2 (Kiến Thụy) 36m cửa lưu lượng $74\text{m}^3/\text{s}$.

- Cống Họng (Đồ Sơn) 9m.

+ Hệ thống công trình nội đồng: Các công trình thủy lợi nội đồng loại vừa, nhỏ gồm các trạm bơm điện, cống dưới đê, đập điều tiết kênh mương được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh từ những năm 1964- 1970.

Có 60 trạm loại vừa và nhỏ gồm 93 máy bơm có công suất $540\text{ m}^3/\text{h}$ đến $2500\text{m}^3/\text{h}$. Hệ thống các trạm bơm làm nhiệm vụ tưới và tiêu.

+ Hệ thống cống dưới đê: tả Văn Úc và hữu Lạch Tray và đê biển gồm 65 cống làm nhiệm vụ tưới tiêu kết hợp khẩu độ trung bình từ 1-9m.

+ Hệ thống kênh cấp I- II với trên 70 con kênh có chiều dài gần 1000 km với 30 đập điều tiết nước đầu kênh tạo nên một hệ thống công trình thủy lợi tương đối hoàn chỉnh đồng bộ, thống nhất thông suốt từ đầu môi đến mặt ruộng.

+ Hệ thống công trình thủy lợi Đa Độ được quản lý và khai thác thống nhất như một quy trình kỹ thuật, trên cơ sở thực hiện pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện 3 nội dung: quản lý công trình, quản lý nước và quản lý kinh tế.

Công ty Quản lý khai thác công trình thủy lợi Đa Độ Hải Phòng được thành lập ngày 31-3-1993 tại quyết định số 810/QĐ/TCCQ của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng trên cơ sở hợp nhất, sát nhập của các đơn vị thủy nông sau:

- Xí nghiệp cơ khí thủy lợi- Sở Thủy lợi Hải Phòng
- Xí nghiệp thủy lợi huyện An Lão.
- Xí nghiệp thủy nông huyện Kiến Thụy.
- Xí nghiệp dịch vụ nông lâm thủy lợi Đồ Sơn.
- Trạm thủy nông quận Kiến An.

01/2/1999 chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích theo quyết định số 222/QĐUB của UBND thành phố Hải Phòng.

28/5/2008 theo quyết định số 970/QĐUB của UBND thành phố Hải Phòng chuyển đổi công ty quản lý khai thác công trình thủy lợi Đa Độ chuyển sang thành công ty TNHH 1 thành viên khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.

- Tên đầy đủ : Công ty TNHH 1 thành viên khai thác công trình Thủy lợi Đa Độ
- Địa chỉ : Km 57 , xã Trường Sơn, huyện An Lão, Hải Phòng.
- Số điện thoại : 031.3679522- Fax: (0313)679651
- Mã số thuế : 0200109974
- Số tài khoản : 32110000000258- Ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng.
- Số đăng ký kinh doanh: 0204002563

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh

+ Cung cấp nguồn nước thô phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản

- + Cung cấp nguồn nước thô cho sản xuất nước sạch
- + Khảo sát thiết kế, thi công, tu bổ sửa chữa các công trình thuỷ lợi.

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của công ty

- Thuận lợi:

Đa Độ là một con sông lớn tại TP Hải Phòng, chảy qua địa bàn bốn quận, huyện. Đây là nguồn cung cấp nước tưới tiêu cho một diện tích lớn đất nông nghiệp, đồng thời là nguồn nước sinh hoạt của nhiều khu vực dân cư trong thành phố.

Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành, kỹ sư chuyên ngành giỏi, giàu kinh nghiệm trong công tác tổ chức thực hiện dự án và công trình có quy mô, công ty có đội ngũ công nhân lành nghề, trách nhiệm cao. Trang thiết bị chuyên dùng đồng bộ, công cụ cơ giới hóa cao, số lượng lớn và không ngừng được cải tiến để phù hợp với đặc điểm thi công của các công trình.

- Khó khăn

Hệ thống TSCĐ của công ty nằm rải rác trên các quận huyện khác nhau. Trong đó TSCĐ của công ty gồm rất nhiều trạm bơm và máy bơm, các cống dưới đê, các con kênh....phục vụ cho công tác công trình thuỷ lợi Việc theo dõi, kiểm kê và quản lý TSCĐ trong phạm vi toàn hệ thống là rất khó khăn mất thời gian.

Vấn đề đầu tư TSCĐ cho công tác công trình thuỷ lợi của Nhà nước còn hạn chế. Phần lớn TSCĐ còn tồn tại từ thập niên 60-70, lạc hậu, sử dụng kém hiệu quả. Không đáp ứng được nhu cầu CNH, HĐH hiện nay.

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

Căn cứ Thông tư số 06/1998 TT-BNN-TCCB ngày 03/9/1998 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức hoạt động của công ty.

Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty gồm có:

+ Giám đốc công ty: Điều hành chung, chịu trách nhiệm trước pháp luật Nhà nước về mọi mặt hoạt động của công ty, là chủ tài khoản chủ đầu tư các công trình, được giao vốn và ký kết các hợp đồng. Các chứng từ thanh quyết toán, tổ chức và điều hành chung trong phạm vi được phân cấp.

+Phó giám đốc kinh doanh điều hành: giúp việc cho Giám đốc về quản lý và điều hành, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật, điều hành công tác sửa chữa xây dựng, ký các hợp đồng sửa chữa trong kế hoạch, tổ chức quản lý theo chế độ XDCCB, nghiệm thu công trình, ký duyệt các hoá đơn chứng từ liên quan đến công tác sửa chữa công trình.

+ Phó giám đốc sản xuất phụ trách công trình đầu nguồn: chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật đảm bảo cung cấp tưới tiêu cho đầu nguồn.

+Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm trước Giám đốc, điều hành tổ chức chỉ đạo bộ máy kế toán của công ty theo pháp lệnh thống kê và thực hiện theo nhiệm vụ chức trách kế toán trưởng xí nghiệp quốc doanh.

+Có 4 phòng chức năng : hoạt động dưới sự chỉ đạo của Phó giám đốc kinh doanh điều hành công ty mỗi phòng có chức năng nhiệm vụ riêng

+ Có 6 trạm quản lý có nhiệm vụ quản lý nước và điều hành các công trình, thực hiện các hợp đồng tưới tiêu thu thủy lợi phí, 6 trạm biên chế mỗi trạm một trạm trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc

+ Đội Xây lắp cơ điện

Tổng nguồn vốn kinh doanh được xác định đến tháng 12/2010 là: 131.448.382.874 Trong đó gồm: Vốn ngân sách là: 129.211.573.834; Nguồn vốn tự có: 2.276.809.040đ

Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty gồm:

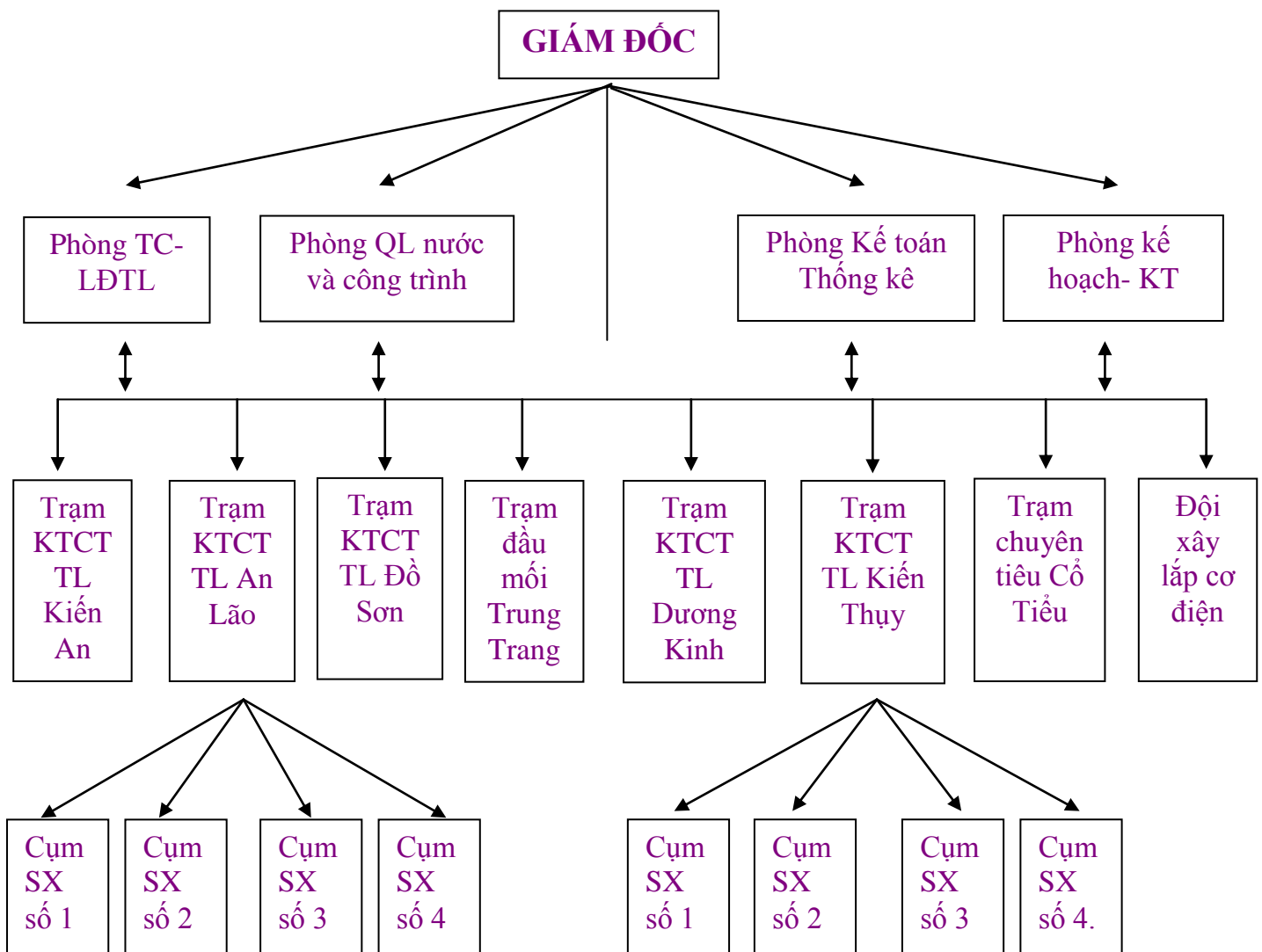
Tổng số cán bộ, CNV là: 361 người

Trong đó: -Lao động trực tiếp: 316

-Lao động gián tiếp : 45 người

Sơ đồ 8:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY



2.1.5 Công tác kế toán tại công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ

2.1.5.1 Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty

Phòng biên chế được bố trí 8 người do kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng trực tiếp chỉ đạo.

- Nhiệm vụ của Phòng kế toán: tổ chức hạch toán theo Pháp lệnh Kế toán thống kê hiện hành. Hướng dẫn các cơ sở thực hiện chế độ ghi sổ kế toán quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn theo chế độ tổ chức, thanh lý các hợp đồng tưới tiêu.

Lập và giữ báo cáo quyết toán theo qui định .Báo cáo tài chính của công ty được lập theo mẫu quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 10/3/2006 của Bộ Tài chính nộp các cơ quan .

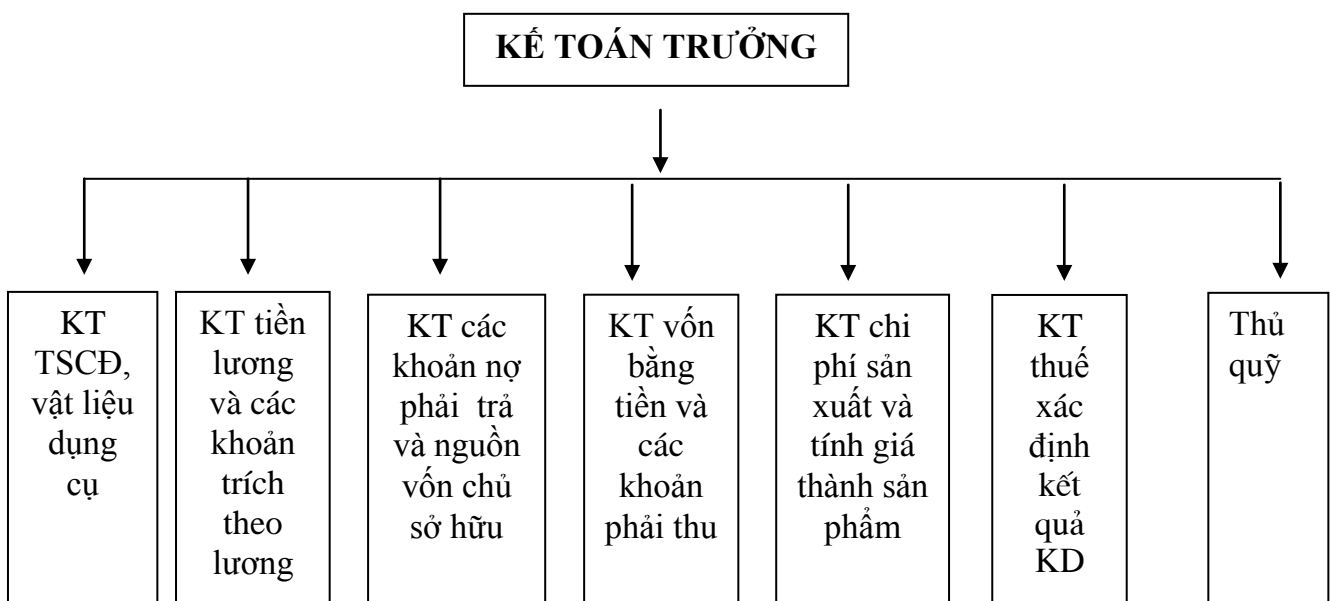
- + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- + Sở Tài chính Hải Phòng
- + Cục Quản lý vốn và Tài sản của doanh nghiệp
- + Cục Thống kê Hải Phòng
- + Cục Thuế Hải Phòng .

Các nhân viên kế toán

- + Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu
- + Kế toán TSCĐ, vật liệu, dụng cụ
- + Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương
- + Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
- + Kế toán thuế, xác định kết quả kinh doanh
- + Kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu
- + Thủ quỹ

Sơ đồ 9:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN



- ***Kế toán trưởng*** : Chịu trách nhiệm về hoạt động tài chính của công ty , cũng như hoạt động của phòng tài chính kế toán . Quyền hạn và trách nhiệm của kế toán trưởng tuân theo quy định của pháp luật.

- ***Kế toán tổng hợp***: có các nhiệm vụ sau: Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các đơn vị nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp; Kiểm tra các định khoản các nghiệp vụ phát sinh. Kiểm tra sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp; Hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao, TSCĐ, công nợ, nghiệp vụ khác, thuế GTGT và báo cáo thuế khối văn phòng CT, lập quyết toán văn phòng cty; Lập báo cáo tài chính theo từng quý, 6 tháng, năm và các báo cáo giải trình chi tiết.

- ***Thủ quỹ***: giữ tiền và các khoản tương đương tiền; nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan (phiếu chi, phiếu xuất); Lập sổ quỹ tiền mặt, sau đó đối chiếu với sổ cái tiền mặt

- ***Kế toán vốn bằng tiền***: Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu củ thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.

- ***Kế toán tài sản cố định***: kế toán viên có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng, giảm của tài sản cố định và sự biến động của các khoản đầu tư dài hạn. Từ đó công ty có biện pháp cụ thể với các khoản đầu tư dài hạn

- ***Kế toán tiền lương***: tính lương và trích các khoản theo lương kịp thời chính xác

2.1.5.2 Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp áp dụng

Công ty QLKT - CTTL Đa Độ thống nhất hạch toán tập trung tại Phòng kế toán, mỗi đơn vị sản xuất có một nhân viên kinh tế chịu trách nhiệm, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Phòng Kế toán.

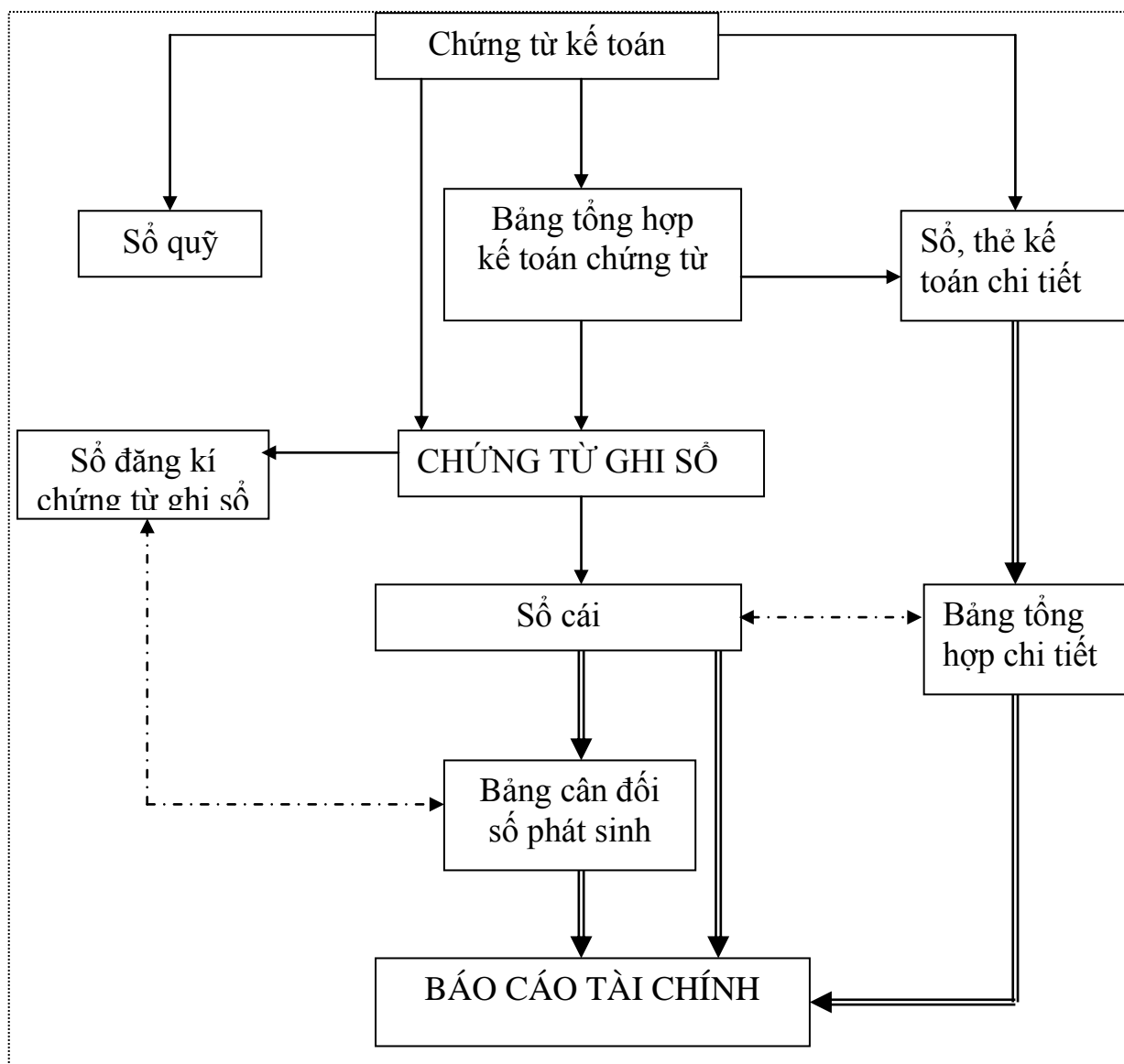
Hình thức kế toán áp dụng (Chứng từ ghi sổ): Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh chứng từ gốc được tập hợp vào bảng phân loại chứng từ ghi sổ vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết.

Công ty mở các loại sổ theo qui định: sổ tổng hợp, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái tài khoản , sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ trình tự và phương pháp ghi sổ theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 10:

Sơ đồ quy trình hạch toán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Kiểm tra đối chiếu số liệu \dashrightarrow

- Chứng từ ghi sổ được tập hợp theo từng ngày.
- Công ty sử dụng các “Sổ tài khoản”, sổ “ Chi tiết tài khoản”, mỗi sổ theo dõi một tài khoản.

- Cuối kỳ kế toán bộ phận rút số dư các tài khoản đối chiếu với nhau làm cơ sở ghi vào “ Sổ cái” .
- Việc sử dụng hình thức này khiến việc ghi chép đơn giản , dễ hiểu , quan hệ so sánh , đối chiếu chính xác.
- ❖ Chính sách kế toán
 - Chính sách , chế độ kế toán của công ty TNHH 1 thành viên khai thác công trình thủy lợi Đa Độ tuân theo Quyết định 15/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
 - Áp dụng phương pháp đánh giá hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên , ghi nhận hàng tồn kho theo giá gốc , tính giá trị hàng tồn kho theo giá đích danh.
 - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ(hữu hình , vô hình, thuê tài chính) : Ghi nhận TSCĐ theo Nguyên giá
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình , vô hình, thuê tài chính) : Theo phương pháp khấu hao đường thẳng
 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay : Ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ
 - Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần , vốn khác của chủ sở hữu : Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn Ngân sách và vốn tự bổ sung của doanh nghiệp .
 - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : Là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi đã trừ đi thuế TNDN của năm nay
 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính : Là chi phí tài chính phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính
 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành , chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :
 - $CP \text{ thuế TNDN hiện hành} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$
 - CP thuế TNDN hoãn lại xác định trên cơ sở số CL tạm thời được khấu trừ , số CL tạm thời chịu thuế suất và thuế suất thuế TNDN . Không bù trừ CP thuế TNDN hiện hành với CP thuế TNDN hoãn lại .

❖ Báo cáo tài chính năm

Công ty TNHH 1 thành viên khai thác công trình thủy lợi Đa Độ đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ Tài chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số 03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

2.2 Tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ**2.2.1 Đặc điểm TSCĐ của công ty**

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ với đặc thù chính là hoạt động tưới tiêu nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và cung cấp nguồn nước thô cho công nghiệp dân sinh thành phố, chính vì vậy đặc điểm chính về TSCĐ của công ty là nhà cửa, vật kiến trúc, các công đập, kênh mương, nhà quản lý trạm bơm điện các loại ... nằm rải rác trên địa bàn các quận huyện An Lão, Kiến Thụy, quận Kiến An, quận Dương Kinh và quận Đồ Sơn thuộc hệ thống sông trực chính Đa Độ. Việc quản lý TSCĐ đều giao cho công nhân vận hành công, đập, trạm bơm quản lý để tiện cho việc phục vụ tưới tiêu nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Mỗi trạm đều có một tổ sửa chữa để thường xuyên đi kiểm tra tu bổ sửa chữa máy móc thiết bị điện khi có sự cố hỏng hóc xảy ra.

2.2.2. Công tác quản lý tài sản cố định tại công ty.

Tại Công ty, TSCĐ được đồng thời theo dõi và quản lý cả về mặt hiện vật và mặt giá trị do Ban Quản lý máy và phòng Tài chính Kế toán đảm nhiệm.

- Về mặt hiện vật:

Ban Quản lý máy quản lý TSCĐ về mặt hiện vật, lập sổ theo dõi ghi chép về công tác quản lý và điều phối cơ giới, các loại tài sản thuộc Công ty, quản lý toàn bộ hồ sơ các loại máy móc và phương tiện thi công, theo dõi bằng sổ sách các biến động về TSCĐ. Ban Quản lý máy căn cứ vào các công trình mà Công ty đang thi

công để cân đối năng lực các loại TSCĐ (phương tiện vận tải, phương tiện thi công, máy thi công...), điều phối giữa các đơn vị thành viên và các công trình thi công. Đồng thời phải theo dõi và nắm vững năng lực xe, máy tham gia phục vụ thi công các công trình, khai thác và sử dụng các thiết bị tại các đơn vị từng hạng mục công trình. Ban Quản lý máy cùng với các đơn vị lập kế hoạch mua thêm máy móc thiết bị mới đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công đồng thời tìm biện pháp kỹ thuật để sửa chữa, nâng cấp, cải tiến, thay thế các bộ phận chi tiết...xe máy móc thiết bị kịp thời và kinh tế nhất.

- Về mặt giá trị:

Công tác quản lý TSCĐ được thực hiện ở phòng Tài chính kế toán. Tại đây, kế toán lập sổ sách, ghi chép và theo dõi tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ. Phòng Tài chính kế toán theo dõi mọi biến động của TSCĐ theo ba chỉ tiêu giá trị (Nguyên giá TSCĐ, giá trị hao mòn và giá trị còn lại) chi tiết cho từng TSCĐ và theo dõi khấu hao TSCĐ trên TK 009. Cuối mỗi năm tài chính, khi có quyết định của Ban giám đốc Công ty, phòng Tài chính kế toán tổ chức công tác kiểm kê TSCĐ.

2.2.3 Phân loại TSCĐ tại công ty

Để tạo điều kiện cho công tác quản lý và hạch toán TSCĐ thì việc phân loại TSCĐ nhất thiết phải được tiến hành. Hiện nay Công ty áp dụng phân loại TSCĐ theo các cách sau đây nhằm quản lý và sử dụng TSCĐ một cách hiệu quả:

- Phân loại TSCĐ theo đặc trưng kỹ thuật.

Theo Báo cáo Tài chính năm ngày 31/12/2010

Biểu số 01: Phân loại TSCĐ theo đặc trưng kỹ thuật

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Tỷ trọng	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa các loại	12.277.155.219	7,42%	8.313.851.582
2	Vật kiến trúc	80.908.558.065	49,02%	54.346.560.034
3	Máy móc, thiết bị	142.090.000	0,08%	74.716.063
4	Máy bơm điện các loại	4.581.036.631	2,77%	1.104.493.640
5	Thiết bị truyền dẫn	1.465.512.816	0,88%	37.445.997
6	Thiết bị công tác	1.216.632.993	0,73%	677.197.634
7	Thiết bị p.tiện vận tải	821.308.454	0,49%	545.347.620
8	TSCĐ khác	63.610.412.467	38,61%	63.207.244.436
	Cộng :	165.026.306.645	100 %	128.369.557.015

Theo cách phân loại này, cho biết kết cấu của từng loại TSCĐ theo đặc trưng kỹ thuật công ty có những loại nào, tỷ trọng từng loại TSCĐ trong tổng Nguyên giá TSCĐ là bao nhiêu, từ đó căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty để có phương hướng đầu tư kinh doanh phù hợp với đặc thù kinh doanh của công ty. Việc thường xuyên quan tâm đến hiện trạng kỹ thuật của TSCĐ giúp cho công ty đánh giá chất lượng, tình trạng của TSCĐ một cách hợp lý, xác định cụ thể thời gian và hữu ích của TSCĐ, từ đó có biện pháp trích khấu hao hợp lý.

- Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành

Qua cách phân loại này, cho thấy TSCĐ của công ty được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau nhưng chủ yếu là từ Ngân sách Nhà nước, chiếm tỷ trọng 70%, vốn tự bổ sung chiếm 27% tổng nguồn vốn

Biểu số 02: Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành

TT	Chia theo nguồn vốn	Nguyên giá (đồng)	Tỷ trọng(%)
1	Vốn góp của Nhà nước	115.518.414.651	70%
2	Vốn tự bổ sung	44.557.102.794	27%
3	Vốn vay	4.950.789.200	3%
<u>Tổng cộng</u>		165.026.306.645	100%

Theo cách phân loại này giúp cho công ty có biện pháp mở rộng khai thác các nguồn vốn, kiểm tra theo dõi tình hình thanh toán, chi trả các nguồn vay đúng hạn, mặt khác giúp cho kế toán biết được nguồn hình thành của tổng TSCĐ để hạch toán khấu hao được chính xác.

2.2.4 Đánh giá TSCĐ hữu hình của công ty

Việc đánh giá TSCĐ ở Công ty tuân theo nguyên tắc chung mà chế độ kế toán ban hành, thông qua theo dõi và quản lý TSCĐ trên ba phương diện là nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại

2.2.4.1 Đánh giá theo nguyên giá.

TSCĐ được hình thành do mua sắm, theo cách đánh này nguyên giá TSCĐ được xác định:

$$NG = GT - C + TP + P + L - TH - S$$

Trong đó

NG: Nguyên giá

GT: Giá thanh toán cho người bán

C: Chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán

TP: Thuế, phí, lệ phí phải nộp cho nhà nước ngoài giá mua

P: Phí tổn trước khi đưa tài sản vào sử dụng như: vận chuyển, chạy thử

L: Lãi tiền vay trước khi đưa tài sản vào sử dụng

TH: thuế trong giá mua hoặc phí tổn được hoàn lại

S : Giá trị sản phẩm, dịch vụ thu được khi chạy thử TSCĐ

Trường hợp TSCĐ của công ty do đầu tư cơ bản hoàn thành theo phương thức giao thầu thì Nguyên giá của TSCĐ bằng giá quyết toán công trình xây dựng (+) lệ phí trước bạ và chi phí liên quan trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng.

Nếu TSCĐ tự xây dựng hoặc tự sản xuất, tự triển khai Nguyên giá của TSCĐ được xác định bằng giá thành thực tế của TSCĐ (+) Chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí khác trực tiếp liên quan phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ngoài ra TSCĐ của công ty chủ yếu còn được cấp trên cấp xuống hoặc nhận TSCĐ điều chuyển từ các đơn vị thành viên khi đó nguyên giá TSCĐ được xác định theo đánh giá thực tế của hội đồng giao nhận và các phí tổn trực tiếp mà công ty phải chi ra trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng.

2.2.4.2. Đánh giá TSCĐ theo trị còn lại

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tài sản của Công ty được đưa vào sử dụng không tránh khỏi bị hao mòn, hư hỏng hay trở nên cũ kỹ lạc hậu. Cho nên để có thể đánh giá đầy đủ năng lực của các tài sản này, đồng thời nắm bắt tình hình về khả năng, trình độ trang bị cơ sở vật chất và kế hoạch đầu tư, đổi mới kịp thời TSCĐ ... Công ty còn đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại.

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế TSCĐ}$$

Việc đánh giá giá trị còn lại trên sổ kế toán mang dấu ấn chủ quan của doanh nghiệp do cách tính khấu hao hay thời gian khấu hao mà công ty đưa ra.

2.2.4.3. Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn, và khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao đường thẳng, hầu hết các tài sản đã được sử dụng tối đa. Công ty xác định thời gian sử dụng của TSCĐ và đăng ký với cơ quan trực tiếp quản lý. Công ty xác định mức khấu hao trung bình hàng năm theo công thức:

$$\text{Mức khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}}$$

Trung bình cứ ba năm kế toán phải lập bảng đăng ký mức trích khấu hao từng TSCĐ với cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước. Trong thời gian đó nếu phát sinh tăng TSCĐ Công ty sẽ phải lập bảng đăng ký mức trích khấu hao bổ sung. Còn với những tài sản đã khấu hao hết, không hoạt động được và đã thanh lý, kế

toán cũng phải lập bảng đăng ký xin giảm trích khấu hao trong năm. Sau khi tính được mức khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ, kế toán tính ra mức khấu hao trung bình tháng của TSCĐ theo công thức:

$$\text{Mức khấu hao trung bình hàng tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Mức khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ}}{12}$$

Hiện nay, Công ty đang áp dụng phương pháp tính mức khấu hao theo nguyên tắc không tròn tháng (thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ của Bộ tài chính) thay vì theo nguyên tắc tròn tháng như trước đây. Tức là việc tính hoặc thôi tính khấu hao được thực hiện bắt đầu từ ngày TSCĐ tăng, giảm hoặc ngừng tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2.5 Kế toán chi tiết TSCĐ tại công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ

TSCĐ của công ty TNHH 1 thành viên khai thác công trình thủy lợi Đa Độ chủ yếu là TSCĐ hữu hình

2. Chứng từ sử dụng :

- Phê duyệt mua sắm xây dựng
- Biên bản đấu thầu , kết quả đấu thầu
- Biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu chi , uỷ nhiệm chi.....

- Tại bộ phận đơn vị thành viên, nơi sử dụng TSCĐ: Có một bộ phận theo dõi tình hình tăng giảm biến động về TSCĐ. Tại đó, nếu mua TSCĐ phải được sự uỷ quyền của công ty. Nhưng khi TSCĐ tăng không ghi thẻ, bộ phận kế toán ở đơn vị chỉ hạch toán báo sổ

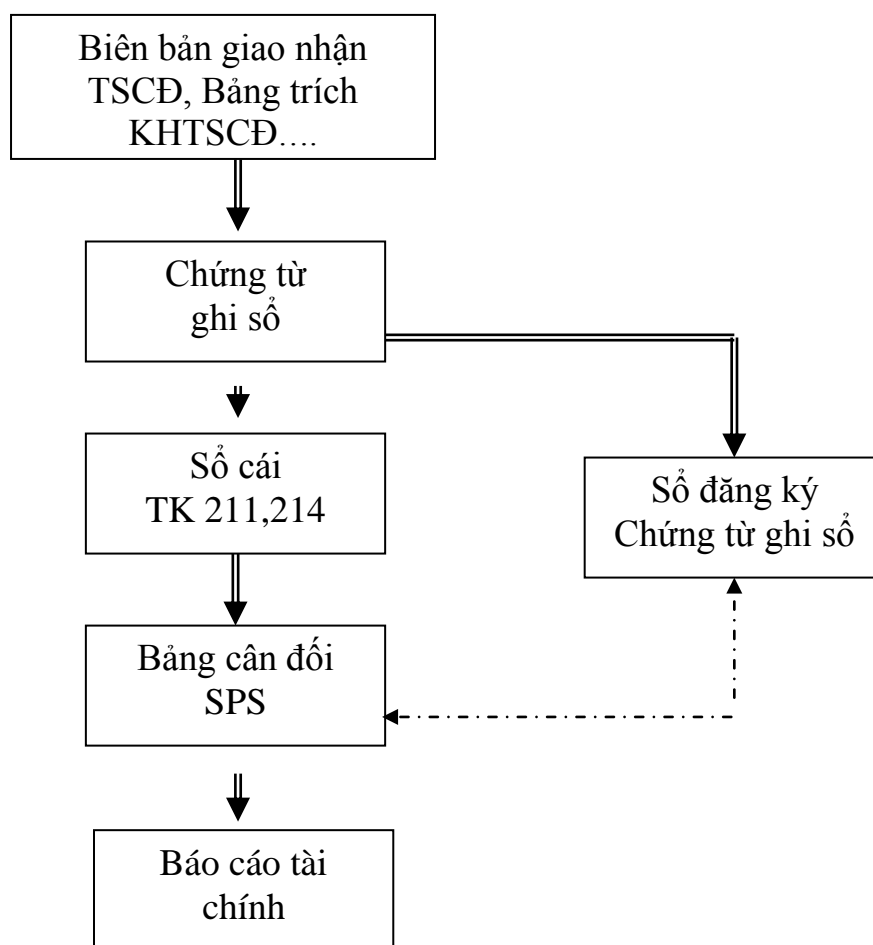
Cuối mỗi tháng, kế toán đơn vị sẽ tập hợp các chứng từ tài liệu có liên quan đến sự tăng giảm TSCĐ, tình hình sử dụng TSCĐ gửi lên phòng Tài chính- Kế toán Công ty. Căn cứ chứng từ đó kế toán công ty sẽ tập hợp số liệu, trích và phân bổ khấu hao

- Tại phòng Tài chính- Kế toán công ty

Phòng Tài chính- Kế toán phối hợp với Ban quản lý máy để quản lý TSCĐ. Ban quản lý máy tổ chức kiểm tra tình trạng kỹ thuật, năng lực hoạt động của Tài sản. Nghiệm thu và lập biên bản bàn giao hồ sơ tăng, giảm TSCĐ. Sau đó gửi cùng chứng từ liên quan về phòng TC-KT. Phòng TC-KT tiến hành sao chép cho mỗi đối tượng một bản để lưu vào hồ sơ riêng và giữ lại bản gốc làm căn cứ hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết.

Phòng TC-KT sử dụng các sổ : Sổ theo dõi TSCĐ, sổ chi tiết tăng giảm TSCĐ, Sổ tổng hợp TSCĐ để theo dõi hạch toán chi tiết TSCĐ tại công ty. Sau khi lập xong thẻ TSCĐ, đăng ký vào sổ TSCĐ . Sổ được lập cho toán bộ TSCĐ của công ty phân theo từng nguồn hình thành và chi tiết theo từng nhóm loại.

Sơ đồ 11: Quy trình luân chuyển chứng từ TSCĐ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ \Longrightarrow

Số sách sử dụng:

- Số chi tiết: bảng kê chi tiết, chứng từ ghi sổ
- Số tổng hợp: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái TK211

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần đầu tư thêm máy móc thiết bị mới cũng như giảm bớt những TSCĐ đã không còn hiệu quả. Các số liệu về tình hình tăng, giảm TSCĐ tại công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ trong 3 năm được tập hợp trong bảng sau

Biểu số 03:**Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình năm 2008-2009-2010**

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
NG đầu năm	135.892.288.816	136.898.352.000	148.268.323.044
Tăng trong năm	2.340.793.177	12.696.011.835	16.841.480.000
Giảm trong năm	1.334.729.993	1.388.826.791	82.496.399
Dư cuối năm	136.898.352.000	148.268.323.044	165.026.306.645

Ta thấy nguyên giá TSCĐ đều tăng qua các năm. Điều đó chứng tỏ công ty đã thường xuyên mua sắm và đổi mới trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

2.2.6 Kế toán tổng hợp TSCĐ tại công ty**2.2.6.1. Kế toán tổng hợp TSCĐ hữu hình*****a. Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ*******TSCĐ tăng do đầu tư XD CB hoàn thành***

Bản thân doanh nghiệp là một phần thực hiện sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng. Các công trình xây dựng cơ bản trong công ty đều tự thực hiện. Khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng căn cứ vào biên bản giao nhận kế toán ghi tăng TSCĐ theo giá trị thực tế được quyết toán theo bút toán định khoản, đồng thời kết chuyển nguồn.

- Tài khoản sử dụng: TK 241, 211, 411, 414 và các sổ cái TK liên quan

- Trình tự thực hiện: Khi dự án đầu tư xây dựng hoàn thành, đơn vị thi công tiến hành lập quyết toán kinh phí thực hiện dự án đầu tư và nghiệm thu công trình thi công. Sau đó tiến hành bàn giao công trình đưa vào sử dụng

Ví dụ 1: Ngày 06/11/2010, hoàn thành công trình xây dựng nhà kho ở cụm công trình Cổ Tiểu, với giá trị quyết toán là 416.636.000 đồng

Công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán định khoản:

Nợ TK 211: 416.636.000

Có TK 241:416.636.000

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Khối lượng đã hoàn thành

1. Tên công trình: Cụm công trình Cổ Tiều
2. Hạng mục : Nhà kho
3. Đơn vị thi công: Đội xây lắp cơ điện của công ty TNHH MTV KTCT thuỷ lợi Đa Độ
4. Ngày khởi công: 15/9/2010
5. Do hội đồng nghiệm thu cơ sở gồm các thành phần sau:
 - Đại diện bên A: Ông Nguyễn Đình Long- Chức vụ: Phó giám đốc công ty Ông Lê Văn Đông- Chức vụ: kỹ sư giám sát
 - Đại diện bên B: Ông Nguyễn Văn Tài- Chức vụ: Đội trưởng đội xây lắp, cơ điện
6. Tài liệu kèm theo: Biên bản kiểm tra kỹ thuật
7. Sau khi xem xét tài liệu và kiểm tra hiện trường, hội đồng nghiệm thu nhận thấy:
 - Về kỹ thuật, chất lượng thi công công trình: đảm bảo chất lượng và kỹ thuật theo yêu cầu
 - Khối lượng công việc hoàn thành: Nhà kho và hệ thống điện

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 04:

QUYẾT TOÁN NHÀ KHO (CT Cổ Tiêu)

ngày 06 tháng 11/2010

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Vật liệu				293.326.000	
1	Xi măng P30	kg	200000	1.100	220.000.000	
2	Cát vàng	m ³	55	120.000	6.600.000	
3	Đá 1×2	m ³	54	48000	2.592.000	
4	Đá 2x4	m ³	20	45000	900.000	
5	Gạch chỉ	viên	14800	1500	22.200.000	
	
	
15	ngói	viên	2000	800	1 600 000	
16	que hàn	kg			0	
II	Nhân công				98 000 000	
III	Máy thi công				25 310 000	
1	Máy đầm	ca	4	35.000	140 000	
2	Máy trộn bê tông	ca	5	150.000	750.000	
	
7	Cầu 10tấn	ca	5	1 200 000	3 077 555	
8	Xe tải 5tấn	ca	17	350.000	5.950.000	
	Tổng cộng				416.363.000	

****TSCĐ tăng do Ngân sách Nhà nước cấp***

Tuy doanh nghiệp đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp nhưng vẫn sử dụng nguồn vốn do Ngân sách nhà nước cấp. Căn cứ vào quyết định của Sở NN&PTNT về cấp tăng nguồn vốn kinh doanh, doanh nghiệp lập biên bản bàn giao đưa TSCĐ đi vào

sử dụng. Những TSCĐ này vẫn được theo dõi như các TSCĐ khác trong doanh nghiệp

Ví dụ 2: Trong tháng 7 năm 2010 có một số TSCĐ phát sinh tăng sau:

-Ngày 05/07/2010 được cấp tăng nguồn vốn kinh doanh 01 bộ máy bơm:

150.000.000 đ

Vốn của các công trình trên do ngân sách Nhà nước cấp

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 211: 150.000.000

Có TK 411 : 150.000.000

Sở Tài chính thành phố Hải Phòng Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, Ngày 05 tháng 7 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc cấp tài sản cố định”

Căn cứ:

- Kế hoạch đổi mới trang thiết bị của công ty.
- Nhu cầu cần thiết cho công tác tưới tiêu phục vụ cho bà con nông dân thuộc khu vực huyện An Lão

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Sở Tài chính thành phố cấp cho doanh nghiệp 01 máy bơm công suất 1800m³/h để tăng cường phục vụ tưới tiêu cho bà con nông dân sản xuất đúng thời vụ

Điều 2: Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản. Biên bản giao nhận tài sản gửi về phòng Kế toán tài chính để công ty theo dõi.

Điều 3: Các ông, bà giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng Kế toán tài chính có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Lưu tại Trạm An Lão

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KT-CTTL Đa Độ

Mẫu số: 03-TSCĐ

Bộ phận: Trạm KTCTTL An Lão

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***BIÊN BẢN BÀN GIAO**

Hôm nay ngày 05 tháng 07 năm 2010, tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình Thuỷ lợi Đa Độ HP

Chúng tôi gồm có:

1. Đại diện bên giao:**Ông: Đào Văn Nhật – Chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài chính****2. Đại diện bên nhận:****Ông: Nguyễn Văn Chơn - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ**

Cùng nhau kí kết văn bản bàn giao với các nội dung sau:

Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp tăng nguồn vốn kinh doanh cho đơn vị bằng TSCĐ là 01 bộ máy bơm công suất 1800m³/h cho Công ty TNHH MTV khai thác công trình Thuỷ lợi Đa Độ gồm:

Stt	Tên quy cách sản phẩm, hàng hoá	Đơn vị	Số l- ượng	Thành tiền
1	Máy bơm công suất 1.800m ³ /h	Bộ	01	150.000.000

Sau khi lắp đặt và vận hành thử, kết luận các thiết bị vận hành tốt đảm bảo thông số theo yêu cầu. Máy đảm bảo hoạt động ổn định.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO*(Ký tên)***ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN***(Ký tên)***Đào Văn Nhật****Nguyễn Văn Chơn**

*** TSCĐ tăng do mua sắm**

- Các chứng từ sử dụng: Hợp đồng mua bán

Hoá đơn mua hàng

Biên bản giao nhận của công ty

Phiếu chi

Thẻ TS

Biên bản kiểm nhập

- Quá trình luân chuyển chứng từ:

Bộ phận có nhu cầu mua làm tờ trình đề nghị mua sắm cho đơn vị mình, nói rõ mục đích sử dụng, phương pháp sản xuất kinh doanh khai thác tài sản đó. Theo nhu cầu thực tế lãnh đạo công ty phê duyệt chủ trương và nguồn vốn đầu tư.

Nếu phải lắp đặt, chạy thử...Các chi phí sẽ được tập hợp trên TK 241. Sau đó kết chuyển sang TK 211. Nếu TSCĐ được mua sắm bằng các quỹ của doanh nghiệp thì phải kết chuyển nguồn vốn.

Ví dụ 3: Ngày 25/10/2010 công ty mua 01 máy photo XEROX455 cấp cho văn phòng. Giá mua là 96.000.000, Chi phí vận chuyển là 200.000 đã thanh toán bằng tiền mặt

Công ty TNHH MTV khai thác
công trình Thủy lợi Đa Độ
Số 4234/QĐ-XDCB

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, Ngày 20 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc duyệt mua tài sản cố định”

Căn cứ:

- Kế hoạch đổi mới trang thiết bị của công ty.
- Vào tờ trình ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Phòng Tổ chức

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt cho công ty mua 01 Máy Photo XEROX 455 để phục vụ cho công tác quản lý của công ty

Điều 2: Phòng Tổ chức tiến hành tổ chức mua tài sản. Biên bản giao nhận tài sản gửi về phòng Kế toán tài chính để công ty theo dõi.

Điều 3: Các ông trưởng phòng Tổ chức, trưởng phòng Kế toán tài chính có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Lưu tại phòng Tổ chức

Công ty TNHH MTV KTCT
Thuỷ lợi Đa Độ

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 10 năm 2010

Số :4890/HĐ-KH

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Căn cứ quyết định số 4234/QĐ-XDCB ngày 20/10/2010 của công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ « *V/v mua máy phô tô phục vụ quản lý* »

Căn cứ nhu cầu của phòng Tổ chức

Chúng tôi gồm :

Bên A : Công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ

Bên B : Công ty TNHH Anh Quân

Km57-Trường Sơn-An Lão-HP

86-Trần Phú-Ngô Quyền-HP

Tel:031.3679522- Fax:(0313)679651

Tel:031.3872354-Fax: (0313)862713

TK :Tại NH Đầu tư và Phát triển HP

TK :Tại NH Đầu tư và Phát triển HP

STK :32110000000258

STK :32240000000385

MST :0200109974

MST :0200823234

Ông :Nguyễn Văn Chơn- Giám đốc

Ông :Nguyễn Anh Quân- Giám đốc

Đại diện ký

Đại diện ký

Hai bên nhất trí ký kết hợp đồng theo các điều khoản sau :

Điều 1 : Bên B bán hàng cho bên A :

T	Tên hàng	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Máy photoXEROX 455	Cái	96.000.000	01	96.000.000

(Chín mươi sáu triệu đồng chẵn)

Điều 2 : Kiểm tra hàng hoá

Điều 3 :Giao hàng

Điều 4 : Thanh toán

Điều 5 :Bảo hành

Điều 6 : Điều khoản khác

Hoá đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số:01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		GK/2010B			
Liên 2: Giao khách hàng		00814523			
Ngày 25 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Anh Quân.....					
Địa chỉ: 86, Trần Phú- Ngô Quyền- Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....32240000000385.....					
Điện thoại:.....031.3872354.....MS :.....0200823234.....					
Họ tên người mua hàng :.....					
Tên đơn vị :Công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ.....					
Địa chỉ : Km57-Trường Sơn-An Lão-HP.....					
Số tài khoản :.....32110000000258.....					
Hình thức thanh toán :.....TM.....MS :.....0200109974.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
	Máy photo XEROX 455	Chiếc	01	96.000.000	96.000.000
	Tiền vận chuyển				200.000
Cộng tiền hàng:					96.200.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		9.600.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					115.800.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng chẵn</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

BIÊN BẢN BÀN GIAO TSCĐ

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Số 123

Nợ TK 211

Có TK 111

Căn cứ quyết định số 123 ngày 25 tháng 10 năm 2010 của Giám đốc công ty về việc bàn giao TSCĐ.

Ban giao nhận TSCĐ:

- Ông : Nguyễn Văn Chơn- Giám đốc công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ
- Bà: Hồ Thị Sếnh- Trưởng phòng Tài chính- Kế toán của công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ
- Ông : Nguyễn Văn Tài: Trưởng phòng kinh doanh công ty TNHH Anh Quân

Địa điểm giao nhận TSCĐ: tại công ty TNHH MTV KTCT thuỷ lợi Đa Độ

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

Tên,ký Mã hiệu quy cách Cấp hạng TSCĐ	SH TS CĐ	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Công suất diện tích thiết kế	Tính nguyên giá TSCĐ				Tỷ lệ hao mòn	Tài liệu kỹ thuật kèm theo
						Giá mua	Cước phí chạy thử	Cước phí vận chuyển	Nguyên giá		
Máy photo XOREX		Nhật	2009	2010		96.000.000		200.000	96.200.000		

Đại diện bên giao

Đại diện bên nhận

Công ty TNHH MTV KTCT thuỷ lợi Đa Độ
Km57, Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT

Ban hành theo QĐ 15/CĐTC ngày
20/3/2007 của Bộ Tài chính

PHIẾU CHI

(Ngày 25 tháng 10 năm 2010)

Quyển: .20.....

Số:970.....

Nợ: 133 ,211

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: *Nguyễn Văn Đắc*

Địa chỉ: Công ty TNHH Anh Tuấn-86, Trần Phú,, Ngô Quyền, HP

Lý do: Chi thanh toán mua máy photo XEROX 455

Số tiền: 115.800.000

Bằng chữ: *Một trăm mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng chẵn*

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

(Ký, Họ tên, Con dấu)

(Ký, Họ tên)

(Ký, Họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: (Bằng chữ) *Một trăm mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng chẵn*

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, Họ tên)

(Ký, Họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Căn cứ vào Hoá đơn, Phiếu chi và biên bản bàn giao kế toán ghi sổ:

Nợ TK 211: 96.200.000

Nợ TK 1332: 9.600.000

Có TK 111: 115.800.000

Từ định khoản trên kế toán vào Bảng kê chứng từ cùng loại, căn cứ vào đó kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 322

Đồng thời căn cứ vào nguồn hình thành của TSCĐ để định khoản:

Nợ TK 414: 96.200.000

Có TK 411: 96.200.000

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ*Ghi Nợ TK 211**Q3+Q4/2010*

Ngày tháng	Số chứng từ	Diễn giải	Ghi Có TK			Tổng cộng
			411	241	111	
.....
05/7/2010		Sở NN & PTNT cấp tăng nguồn vốn KD bằng 01 máy bơm công suất 1800m3/h	150.000.000			150.000.000
...
07/10/2010		- Xây kênh tưới sau TB Tiên Cầm		341.119.000		341.119.000
25/10/2010	PC 970	Mua máy photo XEROX 455			96.200.000	92.600.000
...
06/11/2010		Xây dựng nhà kho thay thế cụm công trình Cổ Tiểu		416.636.000		416.636.000
...
10/12/2010	PC 1080	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Vàng		139.000.000		139.000.000

		Xá				
...
		Cộng	4.751.354.000	2.831.289.000	3.985.400.000	11.568.043.000

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số..322..

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Tăng TSCĐ 6 tháng cuối năm 2010	211		
		111	3.985.400.000
		241	2.831.289.000
		411	4.751.354.000
Cộng			11.568.043.000

Kèm theo: 03 chứng từ gốc

NGƯỜI LẬP

(Ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký)

THẺ TSCĐ

Số : 150

Ngày lập thẻ: 25/10/2010

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 123 ngày 25/10/2010

- Tên TSCĐ : Máy phô tô XEROX

- Nước sản xuất: Nhật

Năm sản xuất: 2009

- Năm sử dụng: 2010

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn			Ghi chú
	Ngày tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn	
A	B	C	1	2	3	4	5
	25/10/10	ĐTPT	96 200 000	2010			VP

Các dụng cụ, phụ tùng kèm theo:

TT	DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1				
2				

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số:Ngày. tháng.năm.....

Lý do giảm

b. Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ

Trong kỳ hạch toán Nhà quản lý trạm bơm giảm do phá huỷ để cải tạo nâng cấp hoặc máy bơm điện cháy cần phải thay thế. Kế toán ghi giảm TSCĐ, giá trị hao mòn TSCĐ, còn giá trị còn lại của TSCĐ thì ghi tăng chi phí khác.

Ví dụ 4: Ngày 25/11/2010 máy biến áp của công ty bị cháy. Ban thanh lý của công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ máy biến áp 180KVA để trang bị máy mới. Kế toán căn cứ vào Biên bản thanh lý TSCĐ để định khoản như sau:

Nợ TK 214: 57.513.000

Có TK 211: 57.513.000

Công ty TNHH MTV khai thác công trình Thuỷ lợi Đa Độ
Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Ông giám đốc công ty TNHH MTV KTCT thuỷ lợi Đa Độ

Ban quản lý máy được Giám đốc Công ty giao nhiệm vụ quản lý máy móc thiết bị toàn công ty. Trong quá trình sử dụng các thiết bị văn phòng trên mặc dù được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy trình quy phạm nhưng do thời gian sử dụng quá lâu, một số thiết bị đã sử dụng qua nhiều công trình nên đã hư hỏng lớn không còn khả năng khôi phục.

Theo công tác kiểm kê được kết hợp giữa phòng Tài chính - Kế toán và Ban Quản lý máy, Ban Quản lý máy lập danh sách các thiết bị đã hư hỏng, lạc hậu, giá trị hao mòn đã gần hết báo cáo lên Giám đốc. Kính đề nghị Giám đốc xét duyệt thanh lý số thiết bị này.

TT	TÊN THIẾT BỊ	NGUYÊN GIÁ	HM LUYỄN KẾ	GT CÒN LẠI	GT THU HỒI ƯỚC TÍNH
1	Máy biến áp 180 KVA	57.513.000	57.513.000	0	1.850.000
				
	Tổng				

Ban Quản lý máy sẽ thực hiện theo đúng quy chế thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ của nhà nước ban hành.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(ký, họ tên, con dấu)

BAN QUẢN LÝ MÁY

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập _ Tự do _ Hạnh phúc

.....000.....

Hải Phòng, Ngày 25 tháng 11 năm 2010

BIÊN BẢN

ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ

Căn cứ:

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ:

- 1. Ông: Nguyễn Văn Chơn - Giám đốc công ty - Chủ tịch hội đồng
- 2. Ông: Đặng Văn Long - Phó Giám đốc công ty - P.Chủ tịch hội đồng
- 3. Bà: Hồ Thị Sếnh - Kế toán Trưởng - Ủy viên
- 4. Ông Ngô Khánh Tuyên - Giám đốc nhà máy - Ủy viên
- 5. Bà: Vũ Thị Lý - Kế toán TSCĐ - Ủy viên

Dựa vào tình trạng của các thiết bị trong danh sách thanh lý theo quyết định số Số: 1432/2006/QĐ- GD ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Giám đốc công ty. Hội đồng đã xem xét phân tích và định giá các tài sản này như sau:

TT	TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ	HM LUY KẾ	GT CÒN LẠI	GT ĐÁNH GIÁ LẠI
1	Máy biến áp 180KVA	57.513.000	57.513.000	0	1.800.000
				
	Tổng				

ỦY VIÊN

ỦY VIÊN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Đơn vị: Công ty QLKT-CTTL Đa Độ HP

Mẫu số: 02-TSCĐ

Địa chỉ: KM 57, Tr-ờng Sơn, An Lão, HP

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)**ngày 20/3/2006 của Bộ tr-ởng BTC)***BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ***Ngày 25 tháng 11 năm 2010*

- Căn cứ Văn bản đề nghị xin thanh lý ngày 20 tháng 11 năm 2010 của Phòng TCHC - LĐTL của Công ty QLKT - CTTL Đa Độ đã đ-ợc giám đốc phê duyệt.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông : Nguyễn Văn Chơn - Chức vụ Phó Giám Đốc Công ty - Phó tr-ởng ban
- Ông : Phạm Đình Tá - Tr-ởng phòng TCHC - LĐTL – uỷ viên
- Ông : Khúc Văn Lãi - Tr-ởng phòng Kế hoạch kỹ thuật - Uỷ viên
- Ông : Trần Quốc Tuấn - Tr-ởng phòng QL&CT - Uỷ viên
- Bà : Hồ Thị Sếnh - Kế toán tr-ởng - Uỷ viên
- Ông : Tăng Thanh Thản – Chủ tịch công đoàn - uỷ viên

I. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

-Tên, ký mã hiệu, quy cách(cấp hạng)TSCĐ: Máy biến áp 100KVA

Loại máy bơm	Số l-ợng	Năm SD	Nguyên giá	GTCL
Máy biến áp 180KVA	01	1979	57.513.000	0

-Nguyên giá TSCĐ: 57.513.000đ

-Giá trị còn lại của TSCĐ: = 0.

III. Kết luận của Ban thanh lý:

Máy biến áp 180KVA đ-ợc sử dụng từ năm 1979 chuyên phục vụ điện chiếu sáng cho trụ sở văn phòng Công ty. Gần 30 năm sử dụng đến nay đã đ-ợc sửa chữa nhiều lần nh-ng do thiết bị giàn trạm máy biến áp quá cũ đã xuống cấp nghiêm trọng, ngành điện đã thông báo không đảm bảo điều kiện an toàn cho việc cung cấp điện qua máy biến áp. Vì vậy ngành điện đã chuyển việc cung cấp điện sinh hoạt của trụ sở làm việc của Công ty sang trạm biến áp khác. Do vậy Công ty không còn nhu cầu sử dụng điện tại trạm biến áp này nữa. Trên cơ sở đó ban thanh lý tài sản của công ty đã kiểm tra thực tế và đề nghị Giám đốc cho thanh lý máy biến áp trên theo giá thị tr-ờng để thu hồi vốn. Giao cho phòng HCTCLĐTL thực hiện.

*Ngày 25 tháng 11 năm 2010***CÁC THÀNH VIÊN****K/T TRƯỞNG BAN THANH LÝ****(Ký)****(Ký)**

Nguyễn Văn Chơn

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

-Chi phí thanh lý TSCĐ..... (viết bằng chữ:.....)

.....

-Giá trị thu hồi: (viết bằng chữ:)

-Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 25 tháng 11 năm 2010

Ngày 25 tháng 11 năm 2010

GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký)

(Ký)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Ghi Có TK 211

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng	Số chứng từ	Diễn giải	Ghi Nợ TK			Tổng cộng
				214	...	
25/11/2010		Thanh lý máy biến áp 180KVA		57.513.000		57.513.000
		Cộng		57.513.000		57.513.000

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:...323...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền (đồng)
	Nợ	Có	
Giảm TSCĐ máy biến áp C.ty theo biên bản thanh lý TSCĐ	214		57.513.000
		211	
Cộng			57.513.000

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký)

(Ký)

2.2.6.2. Kế toán tổng hợp về sửa chữa, nâng cấp TSCĐ

Để duy trì năng lực hoạt động cho TSCĐ trong suốt quá trình sử dụng DN cần phải sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ. Khi đó DN lập dự toán sửa chữa TSCĐ trình Sở NN và PTNT Hải Phòng, Sở Tài chính Hải Phòng phê duyệt cấp kinh phí sửa chữa. Sau đó tiến hành thi công, công trình đã hoàn thành phải có hồ sơ quyết toán, biên bản giao nhận TSCĐ. Kế toán dựa vào căn cứ đó để hạch toán tăng TSCĐ

Ví dụ 5: Ngày 10/12/2010 hoàn thành việc sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Vàng Xá: 139.000.000đ (VAT 10%), đưa vào hoạt động.

Nợ TK 211: 139.000.000

Có TK 241: 139.000.000

Đơn vị: Công ty QLKT-CTTL Đa Độ

Mẫu số: 03-TSCĐ

Bộ phận: Trạm KTCTTL An Lão

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**BIÊN BẢN BÀN GIAO TSCĐ SỬA CHỮA LỚN HOÀN THÀNH**

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Số:

Số:

Số:

Căn cứ Quyết định số: 337/STC-ĐT ngày 13 tháng 11 năm 2010 của Sở Tài chính.HP

Chúng tôi gồm có:

- Ông: Nguyễn Văn Chơn - Chức vụ: Phó giám đốc - Đại diện Cty QLKT-CTTL Đa Độ
- Ông: Trịnh Đình Tuy - Chức vụ: Trưởng trạm - Đại diện: Trạm KTCTTL An Lão

Đã kiểm nhận việc sửa chữa TSCĐ như sau:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Sửa chữa nâng cấp trạm bơm Vàng Xá
- Bộ phận quản lý sử dụng: Trạm KTCTTL An Lão
- Thời gian sửa chữa từ ngày: 15 tháng 07 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2010

Các bộ phận sửa chữa gồm có:

Tên bộ phận sửa chữa	Nội dung (mức độ) công việc SC	Giá trị dự toán	Chi phí thực tế	Kết quả kiểm tra
A	B	1	2	3
Nhà trạm và bể hút bể xả		145.000.000	86.000.000	Đảm bảo theo yêu cầu thiết kế được duyệt
Nạo vét kênh			20.400.000	
Vật tư thiết bị máy bơm			32.600.000	
Cộng		145.000.000	139.000.000	

Kết luận: Chấp nhận nghiệm thu và đồng ý bàn giao đưa công trình vào sử dụng

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đại diện đơn vị nhận

(Ký, họ tên)

Đại diện đơn vị giao

(Ký, họ tên)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ*Ghi Nợ TK 211**Tháng 12 năm 2010*

Ngày tháng	Số chứng từ	Diễn giải	Ghi Có TK			Tổng cộng
			411	241	111	
.....
05/7/2010		Sở NN & PTNT cấp tăng nguồn vốn KD bằng 01 máy bơm công suất 1800m ³ /h	150.000.000			150.000.000
...
07/10/2010		- Xây kênh tưới sau TB Tiên Cầm		341.119.000		341.119.000
25/10/2010	PC 970	Mua máy photo XEROX 455			96.200.000	92.600.000
...
06/11/2010		Xây dựng nhà kho thay thế cụm công trình Cổ Tiều		416.636.000		416.636.000
...
10/12/2010	PC 1080	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Vàng Xá		139.000.000		139.000.000

...
		Cộng				11.568.043.000

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 -3-2006 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số..322..

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Tăng TSCĐ 6 tháng cuối năm 2010	211		
		111	3.985.400.000
		241	2.831.289.000
		411	4.751.354.000
Cộng			11.568.043.000

Kèm theo: 03 chứng từ gốc

NGƯỜI LẬP

(Ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Đơn vị: VND

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1
.....
...		
322	31/12	11.568.043.000
323	31/12	57.513.000
324	31/12	926.556.197
.....
Cộng		348.880.146.283

SỔ CÁI

Q3+Q4/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số hiệu tài khoản: 211

Tên tài khoản: TSCĐ hữu hình

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu năm		153.515.776.645	
			Số phát sinh trong tháng			
	322	31/12/10	Sở NN & PTNT cấp tăng nguồn vốn KD bằng 01 máy bơm công suất 1800m3/h	411	150.000.000	
		
	322	31/12/10	- Xây kênh tưới sau TB Tiên Cầm	241	341.119.000	
		
	322	31/12/10	Mua máy photo XEROX 455	111	96.200.000	
		
	322	31/12/10	Xây dựng nhà kho thay thế cụm công trình Cổ Tiêu		416.636.000	
	323	31/12/10	Thanh lý máy biến áp đã khấu hao hết	214		57.513.000
		
	322	31/12/10	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Vàng Xá	241	139.000.000	
			Cộng số phát sinh		11.568.043.000	57.513.000
			Số dư cuối kỳ		165.026.306.645	

--	--	--	--	--	--	--

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ:

2.2.6.2. Kế toán tổng hợp TSCĐ vô hình

Hiện tại công ty chỉ có TSCĐ hữu hình mà không có tài sản cố định vô hình.

2.6.2.3. Kế toán Khấu hao TSCĐ

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ được tính theo bảng kê chi tiết 6 tháng trích một lần. Phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng. TSCĐ được áp dụng theo mức khung bảng tính khấu hao của Thông tư 203/2009/TT-BTC của Bộ tài chính. Sau đó căn cứ vào bảng trích khấu hao để phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí sản xuất chung. Kế toán định khoản phân bổ khấu hao 6 tháng cuối năm 2010

Nợ TK642: 68.843.732

Nợ TK627: 857.712.465

CóTK214:926.556.197

BẢNG KÊ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2010

STT	LOẠI TÀI SẢN	SỐ KHẤU HAO	TRONG ĐÓ		ĐỐI TƯỢNG PHÂN BỐ	
			NGÂN SÁCH	TỰ CÓ	TK 642	TK 627
1	Nhà cửa các loại	364.942.715	364.525.059	417.656	27.403.375	337.539.340
2	Vật kiến trúc	277.689.192	266.393.008	11.296.184	660.934	277.028.258
3	Máy móc thiết bị điện	8.880.625	8.880.625	0	0	8.880.625
4	Máy bơm điện các loại	179.281.745	179.281.745	0	0	179.281.745
5	Thiết bị truyền dẫn	18.722.997	18.722.997	0	0	18.722.997
6	Thiết bị công tác	35.223.500	31.366.500	3.857.000	1.464.000	33.759.500
7	Phương tiện vận tải	41.815.423	30.071.523	11.743.900	39.315.423	2.500.000
	Tổng cộng	926.556.197	899.241.457	27.314.740	68.843.732	857.712.465

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Doanh nghiệp: Công ty QLKT-CTTL Đa Độ

ngày 20 -3-2006 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: ...324...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền (đồng)
	Nợ	Có	
Trích khấu hao 6 tháng cuối năm 2010	642		68.843.732
	627		857.712.465
		214	
Cộng			926.556.197

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

NGƯỜI LẬP

(Ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1
.....
...		
322	31/12	11.568.043.000
323	31/12	57.513.000
324	31/12	926.556.197
.....
Cộng		348.880.146.283

SỔ CÁI 2010

Tên tài khoản: Khấu hao TSCĐ

Số hiệu : 214

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			35.787.706.430
			Số phát sinh trong kỳ			
	323	31/12/10	Thanh lý máy biến áp 180KVA	211	57.513.000	
	324	31/12/10	Trích khấu hao 6 tháng cuối năm 2010	627		857.712.465
				642		68.843.732
			Cộng số phát sinh		57.513.000	926.556.197
			Số dư cuối kỳ			36.656.749.630

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ:

TĂNG GIẢM TSCĐ HỮU HÌNH (mục 08 trong thuyết minh BCTC)

Năm 2010

Khoản mục	Nhà cửa các loại	Vật kiến trúc	MMThiết bị	Máy bơm điện các loại	Thiết bị truyền dẫn	Thiết bị công tác	Thiết bị phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
NG TSCĐ hữu hình									
Số dư đầu năm	10.667.771.21 9	80.155.658.06 5	142.090.0 00	4.216.572. 631	1.465.512. 816	1.206.529.3 92	821.308.45 4	49.592.880	148.268.323.044
Mua trong năm						96.200.000			96.200.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.609.384.000	752.900.000		364.464.00 0				14.017.532.0 00	16.806.980.000
Tăng khác									0
Chuyển sang BĐS đầu tư									0
Thanh lý, nhượng bán						82.496.399			82.496.399
Giảm khác									0
Số dư cuối năm	12.277.155.21	80.908.558.06	142.090.0	4.581.036.	1.465.512.	1.216.632.9	821.308.45	63.610.412.4	165.026.306.645

	9	5	00	631	816	93	4	67	
Giá trị HMLK									
Số dư đầu năm	3.397.068.246	26.007.082.18	49.612.68	3.073.592.	1.363.088.	497.003.33	192.329.98	403.168.031	35.052.945.012
		5	7	257	285	3	8		
Khấu hao trong năm	556.235.382	484.915.846	17.761.25	402.950.73	64.987.534	65.828425	83.630.846		1.686.301.017
			0	4					
Tăng khác									
Chuyển sang BĐS đầu tư									
Thanh lý nhượng bán						82.496.399			82.496.399
Giảm khác									
Số dư cuối năm	3.963.303.628	26.561.998.03	67.373.93	3.467.542.	1.428.066.	480.335.35	275.960.83	403.168.031	36.656.749.630
		1	7	991	819	9	4		
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình									
Tại ngày đầu năm	7.270.702.973	54.078.575.88	92.477.31	1.142.980.	102.424.53	709.526.05	628.978.46	49.189.712.4	113.215.387
		0	3	374	1	9	6	36	
Tại ngày cuối năm	8.313.851.582	54.436.560.03	74.716.06	1.104.493.	37.445.997	736.297.63	545.347.62	63.207.244.4	128.369.557.015
		4	3	640		4	0	36	

Đơn vị báo cáo: Cty TNHH MTV KTCT thuỷ lợi Đa Độ
Địa chỉ: Km57, Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng

Mẫu số B01-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày: 31... tháng .12. năm..2010

Đơn vị tính: VNĐ

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.522.899.817	12.872.072.931
...
II. Tài sản cố định	220		131.060.998.332	113.653.898.032
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	128.369.557.015	113.215.378.032
- Nguyên giá	222		165.026.306.645	148.268.323.044
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-36.656.749.630	-35.052.945.012
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2.691.441.317	438.520.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		152.646.272.210	128.628.624.024
NGUỒN VỐN				
.....
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		136.471.340.385	111.915.154.980
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		152.646.272.210	128.628.624.024
--	------------	--	------------------------	------------------------

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

.....
Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

**CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG
TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI ĐA ĐỘ**

3.1 Những nhận xét, đánh giá về kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ

+/. Về tổ chức hoạt động sản xuất

Công ty QLKTCT Thủy lợi Đa Độ là một doanh nghiệp nhà nước hoạt động dịch vụ công ích. Nguồn kinh phí chủ yếu do Nhà nước cấp theo Kế hoạch dịch vụ tưới tiêu lập hàng năm chỉ đủ chi trả cho công tác hoạt động tài chính của Công ty. Các công tác tu sửa, cải tạo các công trình thủy lợi đã xuống cấp do tu sửa quá lâu kinh phí còn lại quá ít phải phụ thuộc vào vốn Nhà nước cấp thêm. Do vậy không chủ động về kinh tế.

Nhưng với sự năng động của bộ máy quản lý cùng với sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty, đến nay Công ty đã khắc phục được những khó khăn và vươn lên là một trong những Công ty làm ăn có hiệu quả kinh doanh cao trong khối các doanh nghiệp trên địa bàn Huyện.

Công ty đã đạt được kết quả như vậy là nhờ:

Thứ nhất: Sự năng động và khả năng thích ứng kịp thời với điều kiện mới của ban lãnh đạo Công ty.

Thứ hai: Công ty có một đội ngũ công nhân lành nghề, chịu khó và có trách nhiệm cao đối với công việc.

Thứ ba: Có sự đổi mới công nghệ và nâng cấp trang thiết bị, cơ sở hạ tầng tạo môi trường sản xuất phù hợp yêu cầu công việc.

Sản xuất kinh doanh liên tục phát triển trên cơ sở phát huy nội lực và tinh thần tự lực tự cường, sản lượng quý sau tăng hơn quý trước, cơ sở vật

chất kỹ thuật không ngừng được đổi mới theo hướng công nghiệp hóa. Trong quá trình hoạt động để nâng cao hiệu quả kinh doanh Công ty luôn giải quyết một số vấn đề như tăng chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, hoàn thiện công tác trả lương: Định mức lương, xác định đơn giá tiền lương, hoàn thiện công tác phục vụ sản xuất nhằm đảm bảo tiền lương là đòn bẩy kinh tế trong Công ty.

Ngoài ra còn có sự thống nhất đoàn kết nhất trí cao trong toàn Công ty, có kinh nghiệm vượt qua khó khăn thử thách. Cán bộ công nhân được tôi luyện trong khó khăn gian khổ và đã trưởng thành. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của ban giám đốc Công ty, không còn mặc cảm về nghề nghiệp gắn bó với đơn vị và công việc được giao để hoàn thành tốt mục tiêu tăng lợi nhuận cho Công ty và thu nhập cho các thành viên góp vốn.

+/. Về tổ chức hạch toán kế toán

a) Về cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán

Công ty đã bố trí phân công công việc cụ thể rõ ràng cho từng phần hành và mỗi người được phân công tách biệt không có sự chồng chéo bất hợp lý. Bên cạnh đó Công ty có một đội ngũ cán bộ kế toán có chuyên môn, nhiệt tình trong công việc. Kết cấu bộ máy gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả phù hợp với cơ cấu tổ chức chung của Công ty.

b) Chế độ chính sách, phương thức hạch toán kế toán

Công ty luôn chấp hành các chính sách, chế độ kế toán tài chính của nhà nước, các chính sách về thuế, giá phù hợp. Tổ chức kế toán đầy đủ, hợp thức các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nhờ đó kế toán góp phần bảo vệ tài sản của công ty, đảm bảo lực lượng sản xuất và lưu thông đạt hiệu quả cao

Với quy mô, đặc điểm sản xuất, quy trình công nghệ của Công ty, trình độ, năng lực của đội ngũ nhân viên kế toán, Công ty lựa chọn hình thức sổ

Chứng từ ghi sổ là rất hợp lý ở thời điểm hiện nay, tiện lợi cho việc áp dụng kế toán máy.

+/. Về công tác kế toán TSCĐ

Công tác kế toán tại công ty nói chung và kế toán TSCĐ nói riêng ty chưa thực sự hoàn thiện, Việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ phát sinh chưa thực sự kịp thời, luân chuyển chứng từ chưa khoa học và đầy đủ, tuân thủ theo quy trình. tuy nhiên nó cung cấp tương đối đầy đủ, chính xác thông tin về nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của TSCĐ hiện có tại Công ty. Nó đã đóng góp một phần không nhỏ vào thành công nói chung trong Công ty cũng như thành công trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ. Do quy mô hoạt động của Công ty là tương đối rộng, hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, các nhân viên làm công tác thống kê tại các phân xưởng và các bộ phận sản xuất còn hạn chế và không đồng đều về trình độ, do vậy đã gây không ít khó khăn cho công tác hạch toán và quản lý tài sản.

* Về hệ thống sổ sách hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp TSCĐ.

Khi TSCĐ trong Công ty có biến động, kế toán ghi vào sổ chi tiết TSCĐ theo đơn vị sử dụng sau đó ghi vào sổ chi tiết tăng giảm TSCĐ theo dõi tại văn phòng Công ty, cuối tháng được ghi vào sổ TSCĐ tăng giảm trong tháng. Công ty không lập "Sổ TSCĐ" theo từng loại tài sản. Do đó ta không thể quản lý tài sản theo từng nhóm tài sản, quan trọng hơn ta không biết được hệ thống chứng từ đi kèm và tỷ lệ khấu hao đối với từng loại TSCĐ. Điều này gây khó khăn cho việc hạch toán khấu hao, quản lý và kiểm tra các thông tin có liên quan đến TSCĐ khi cần thiết.

* Về phương pháp khấu hao:

Công ty đang sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng để tính khấu hao. Đây là phương pháp đơn giản, dễ tính toán. Nhưng khấu hao tính theo cách này sẽ làm chậm thời gian thu hồi vốn khiến TSCĐ khó tránh khỏi hao mòn vô hình. Hơn nữa, năng lực sản xuất của TSCĐ ở mỗi thời điểm lại khác nhau, lúc TSCĐ còn mới năng lực sản xuất rất tốt, tạo ra nhiều sản phẩm, khi tài sản trở nên cũ lạc hậu, năng lực sản xuất kém, tạo ra ít sản phẩm, nếu áp dụng phương pháp khấu hao như hiện nay là chưa hợp lý do mức trích khấu hao lúc TSCĐ còn mới bằng mức trích khấu hao lúc TSCĐ cũ nát, lạc hậu.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán TSCĐ tại Công ty QLKT - CTTL Đa Độ.

Qua nghiên cứu công tác hạch toán kế toán TSCĐ và phân tích một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng TSCĐ của công ty cho thấy TSCĐ là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động SXKD mà công ty còn có những thiếu sót trong quá trình hạch toán TSCĐ, do đó trong phạm vi chuyên đề này em mạnh dạn nêu lên một số ý kiến cụ thể sau:

Thứ nhất: Công tác quản lý và hạch toán khấu hao TSCĐ

-Hàng năm công ty cần tổ chức phân tích tình hình trang thiết bị và sử dụng TSCĐ. So sánh giữa từng nhóm TSCĐ để thấy được sự biến động về cơ cấu TSCĐ ở công ty, thấy được nhu cầu tăng giảm từng nhóm, từng loại TSCĐ. Lựa chọn phương pháp khấu hao thích hợp để có thể thu hồi vốn nhanh và bảo tồn vốn cố định, kế toán cần xác định đúng giá trị TSCĐ và đánh giá lại TSCĐ khi cần thiết. Muốn vậy định kỳ doanh nghiệp cần tiến hành kiểm kê TSCĐ trên mọi phương diện hoạt động của TSCĐ để phân loại chất lượng và đánh giá thực chất mức độ hiện còn của TSCĐ.

Hệ thống TSCĐ của công ty nằm rải rác trên các quận huyện khác nhau. Vì vậy để quản lý TSCĐ một cách chặt chẽ công ty nên phân cấp quản lý TSCĐ đến từng đơn vị sử dụng. Kế toán công ty cần thống nhất mở sổ sách từ công ty xuống các đội, bộ phận để theo dõi TSCĐ chi chặt chẽ.

Việc tính và trích khấu hao cần thực hiện theo tháng thay cho khấu hao 6 tháng 1 lần. Việc tính và trích khấu hao hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu thu hồi vốn tái đầu tư của một số nhóm TSCĐ cần thiết phải thay thế đổi mới. Công ty cần xây dựng tỷ lệ khấu hao hợp lý cho từng loại TSCĐ trong khuôn khổ cho phép (nếu được phép của cơ quan có thẩm quyền). Theo dõi chặt chẽ tình hình tăng giảm nguồn vốn khấu hao.

Hiện nay công ty đang sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Đây là phương pháp đơn giản và rộng rãi nhất. Tuy nhiên với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật ngày nay thì đòi hỏi doanh nghiệp phải thường xuyên đổi mới máy móc thiết bị. Chính vì vậy việc khấu hao theo đường thẳng sẽ làm chậm thời gian thu hồi vốn, chi phí tính khấu hao cho các thời điểm là không phù hợp. Để khắc phục nhược điểm này , theo em công ty nên kết hợp giữa phương pháp khấu hao theo đường thẳng và phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần. Sử dụng kết hợp hai phương pháp này sẽ đem lại hiệu quả cao trong công tác tính và trích khấu hao TSCĐ

+ Khấu hao theo số dư giảm dần: Theo phương pháp khấu hao số dư giảm dần có điều chỉnh thì mức khấu hao hàng năm của tài sản cố định được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức khấu hao năm} - \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Tỷ lệ khấu hao nhanh được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh} = \text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian sử dụng của TSCĐ quy định tại bảng dưới đây:

Thời gian sử dụng của tài sản cố định	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm (từ ≤ 4 năm)	1,5
Trên 4 năm đến 6 năm(4 năm < t ≤ 6 năm)	2,0
Trên 6 năm (t < 6 năm)	2,5

Ví dụ: : Ngày 25/10/2010 công ty mua 01 máy photo XEROX455 cấp cho văn phòng. Giá mua là 96.000.000, Chi phí vận chuyển là 200.000 đã thanh toán bằng tiền mặt . Thời gian sử dụng ước tính là 7 năm.

- Công ty tính trích khấu hao theo đường thẳng

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân năm} = \frac{96.200.000}{7}$$

=13.742.857 đ/năm

- Nếu công ty trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần thì mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ trên là:

Thời gian sử dụng là 7năm nên hệ số điều chỉnh của TSCĐ là 2,5

+Tỷ lệ khấu hao theo phương pháp đường thẳng:

$$= \frac{1}{7} \times 100$$

=14,29%

+ Tỷ lệ khấu hao nhanh theo pp số dư giảm dần :

= 14,29% × 2,5 = 35,73%

Năm	Mức KH hàng năm	Mức khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	96.200.000 × 35,73% = 34.372.260	34.372.260	61.827.740
2	61.827.740 × 35,73% = 22.091.052	56.463.312	39.736.688
3	39.736.688 × 35,73% = 14.179.919	70.661.231	25.538.769
4	25.538.769 × 35,73% = 9.125.002	79.786.233	17.013.767
5	17.013.767 × 35,73% = 6.079.019	85.865.252	10.334.748
6	10.334.748 × 35,73% = 3.692.606	89.557.858	6.642.142
7	6.642.142 × 35,73% = 2.373.273	91.931.131	4.268.869

Với phương pháp này, do kỹ thuật tính toán nên đến khi hết thời gian sử dụng mà TSCĐ vẫn chưa được khấu hao hết. Để khắc phục được vấn đề này , người ta thường kết hợp phương pháp khấu hao theo đường thẳng ở những năm cuối cùng. Theo ví dụ trên, vào năm thứ 6 và thứ 7 người ta sẽ chuyển sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng với mức khấu hao mỗi năm là:

$$10.334.748 : 2 = 5.167.374 (\text{đ})$$

Tuy nhiên khi thực hiện thay đổi phương pháp khấu hao có thể sẽ ảnh hưởng tới công tác kế toán của doanh nghiệp, việc khấu hao tài sản có tác động trực tiếp lên báo cáo tài chính. Mức khấu hao càng lớn thì thời gian thu hồi vốn càng nhanh đồng thời ghi nhận chi phí trong kỳ càng cao làm giảm lợi

nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy , khi tiến hành trích khấu hao doanh nghiệp có quyền quyết định đến sự bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh của mình trên cơ sở tuân thủ pháp luật, theo đúng quy định hiện hành của Bộ tài chính về chế độ quản lý và trích khấu hao TSCĐ

Thứ hai: Về đánh giá lại TSCĐ

Do yêu cầu quản lý, bảo toàn vốn doanh nghiệp phải đánh giá lại TSCĐ theo mặt bằng giá của thời điểm đánh giá lại, theo quyết định của nhà nước. Công ty không nên chỉ đánh giá lại TSCĐ khi có quyết định của Nhà nước hay của cấp trên. Công ty nên đánh giá lại giá trị TSCĐ theo giá thị trường tại thời điểm thanh lý hay nhượng bán.

Đơn vị:

Mẫu số S04 – TSCĐ

Địa chỉ:

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI

Ngày...tháng... năm....

Số:

Nợ:

Có:

- căn cứ QĐ số:.... Ngày...tháng...năm...của.....về việc đánh giá lại TSCĐ.
- Ông/Bà:.....Chức vụ:.....Đại diện: Chủ tịch hội đồng
- Ông/Bà:.....Chức vụ:.....Đại diện: Ủy viên

- Ông/ Bà:.....Chức vụ:.....Đại diện: Ủy viên
Đã thực hiện đánh giá lại giá trị các TSCĐ sau đây:

STT	Tên,mã hiệu,quy cách TSCĐ	Số hiệu TSCĐ	Số thẻ TSCĐ	Giá trị ghi sổ			GTCL theo đánh giá	Chênh lệch	
				NG	HM	GTCL		Tăng	Giảm
...
	Cộng								

Thứ ba : Sử dụng phần mềm kế toán máy

Cần hoàn thiện công tác kế toán trong điều kiện sử dụng máy vi tính. Các phần mềm kế toán máy hiện nay rất phổ biến, hiện đại và dễ sử dụng. Các phiên bản được cập nhật thường xuyên theo hệ thống văn bản về chế độ kế toán. Việc tính toán trên máy thông qua các phần mềm kế toán sẽ chuẩn xác, ít xảy ra sai sót. Người sử dụng có thể lọc thông tin theo nhiều chiều, nhiều điều kiện sẽ giúp cho công tác theo dõi TSCĐ và tình trạng sử dụng thuận tiện hơn, tiết kiệm nhân công và chi phí cho DN.

Phòng kế toán được trang bị một hệ thống máy vi tính do vậy cần có kế hoạch chuyển sang ghi chép trên máy là chủ yếu. Điều đó tạo điều kiện cho nhân viên kế toán giảm bớt được khối lượng công việc, thông tin lưu trữ trên máy cũng rất an toàn và gọn nhẹ phục vụ đắc lực cho việc kiểm tra đối chiếu nhất là trong giai đoạn quyết toán quý, năm.

Khi ứng dụng máy vi tính vào công tác kế toán trong Công ty theo hình thức sổ Chứng từ ghi sổ mà Công ty đã lựa chọn, thì trình tự hạch toán được khái quát như sau:

+ Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, nhân viên kế toán tiến hành phân loại, kiểm tra và mã hoá các thông tin kế toán bao gồm: mã hoá chứng từ, mã hoá tài khoản và mã hoá các đối tượng kế toán. Các chứng từ đã được mã hoá sẽ được nhập vào cơ sở dữ liệu theo phần mềm sử dụng tại doanh nghiệp.

+ Khi cơ sở dữ liệu đã có đầy đủ thông tin, máy tính có thể tự động truy xuất số liệu theo chương trình phần mềm kế toán cài đặt để vào sổ Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái, sổ chi tiết theo từng đối tượng đã được mã hoá và số liệu trên các báo cáo đến thời điểm nhập dữ liệu.

+ Cuối quý, kế toán tiến hành lập bảng cân đối thử và các bút toán phân bổ, kết chuyển, điều chỉnh, khoá sổ kế toán. Sau đó in bảng biểu, sổ kế toán tổng hợp, chi tiết và các báo cáo cần thiết.

3.3. Điều kiện thực hiện

Trong những năm qua, tuy chính sách và cơ chế hoạt động của Nhà nước đã có nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp. Nhưng trong tình hình thực tế hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Để có thể tồn tại và phát triển được không chỉ có các biện pháp nằm trong khả năng của Doanh nghiệp mà còn cần có sự hỗ trợ và tạo điều kiện từ phía Nhà nước, lãnh đạo địa phương, như:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các Doanh nghiệp Nhà nước có thể cải tổ lại bộ máy tổ chức quản lý nếu có nhiều sự bất hợp lý. Nhằm tạo ra hiệu quả tổ chức quản lý có chất lượng và đạt hiệu quả cao hơn.

- Có chính sách hỗ trợ cho cá ngành nghề kinh tế trong việc tìm kiếm thị trường mới, về trợ giá, các chính sách về vùng nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất,...

- Nhà nước cần phải có sự hỗ trợ về vốn cho các Doanh nghiệp, phê duyệt các Dự án đầu tư có tính khả thi đối với sự phát triển của các Công ty, tạo sự phát triển đồng đều, đặc biệt là vùng xa xôi, hải đảo, miền núi.

Bên cạnh đó Công ty cần xem xét, bổ sung và hoàn thiện các giải pháp phát triển Công ty và tổ chức triển khai thực hiện, nhằm mục đích nâng cao chất lượng, hiệu quả của tổ chức. Đặc biệt là về hoàn thiện đội ngũ các bộ công nhân viên, Ban lãnh đạo cần phải thực hiện nhanh chóng. Bởi trong bất kỳ một tổ chức nào thì vấn đề về con người và khả năng công tác quản lý, làm việc của họ là một vấn đề then chốt cho sự thành công của mọi tổ chức. Khi mỗi con người đều đạt đến một trình độ nhất định và có một kinh nghiệm thực tế, cùng với sự phối hợp nhịp nhàng trong một bộ máy tổ chức hợp lý thì hiệu quả hoạt động của Công ty sẽ được nâng cao lên rất nhiều.

Công ty cần phải đầu tư một số thiết bị và công nghệ mới để mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp, giữ vững và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, tăng thị phần của các sản phẩm để phù hợp với sự phát triển và tồn tại lâu dài của Công ty, gia tăng lợi nhuận, gia tăng đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và tăng hiệu quả vốn góp của các Cổ đông, cải thiện và nâng cao đời sống của người lao động

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

TS	Tài sản
TSCĐ	Tài sản cố định
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
CTGS	Chứng từ ghi sổ
CPSC	Chi phí sửa chữa
DN	Doanh Nghiệp
CC, DC	Công cụ, dụng cụ
TCKT	Tài chính Kế toán
UBND	Ủy ban nhân dân
NSNN	Ngân sách nhà nước
QĐ	Quyết định
XDCB	Xây dựng cơ bản
SXKD	Sản xuất kinh doanh
GTGT	Giá trị gia tăng
KH	Khấu hao
CT	Công ty
SC	Sửa chữa
SCL	Sửa chữa lớn
CNV	Công nhân viên

KẾT LUẬN

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ Hải Phòng là một công ty có nhiều khả năng phát triển trong tương lai. Trong quá trình tìm hiểu thực tế tại công ty, em đã nhận thấy rằng học tập chỉ dựa trên kiến thức đã được học ở trường vẫn chưa đủ mà còn phải bước vào thực tế, phải nắm vững những vấn đề đang diễn ra. Đây là thời gian em thử nghiệm những kiến thức của mình đã được học vào công tác thực tế, nó giúp em hiểu sâu những kiến thức mình đã có. Trong thời gian thực tập ở Công ty, nhờ sự giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn - tiến sỹ Trương Thị Thuỷ, ban Lãnh đạo công ty, các phòng ban có liên quan đặc biệt là cán bộ nhân viên phòng TC- KT công ty, cùng với sự cố gắng của bản thân, tiếp cận với những công việc thực tiễn. Vì vậy, em đã đi sâu nghiên cứu và hoàn thành bài chuyên đề, đề tài: **"Kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ HP"**.

Đồng thời, em đã nhận thức về hệ thống hoá thực tế công tác hạch toán TSCĐ của công ty theo một trình tự khoa học hợp lý. Qua đó, em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán TSCĐ của công ty, góp phần nhỏ bé vào việc nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý nói chung và bộ máy kế toán nói riêng.

Do trình độ còn hạn chế, kiến thức thực tế còn ít ỏi, thời gian thực tập, tìm hiểu chưa nhiều nên không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự giúp đỡ, góp ý của toàn thể cán bộ công nhân viên toàn công ty, thầy cô giáo và đặc biệt là của phòng kế toán công ty để làm cho chuyên đề của em được phong phú về lý luận sát với thực tiễn ở công ty.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn tập thể Công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ Hải Phòng, phòng tài vụ công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình thực tập. Đặc biệt em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn đã giúp em hoàn thành bài viết của mình.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của TSCĐ trong doanh nghiệp	7
1.1.1. Khái niệm.....	7
1.1.2.Đặc điểm.....	8
1.1.3. Vai trò của TSCĐ.....	8
1.2. Yêu cầu quản lý Tài sản cố định.....	8
1.3. Phân loại	9
1.3.1. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện vật chất kết hợp với tính chất đầu tư.....	9
1.3.2. Phân loại theo nguồn hình thành.....	11
1.3.3. Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng và công dụng.	11
1.4. Đánh giá Tài sản cố định	11
1.4.1. Xác định Giá trị ban đầu của TSCĐ	11
1.4.1.1. Nguyên giá TSCĐ hữu hình	12
1.4.1.2. Nguyên giá TSCĐ vô hình	14
1.4.1.3. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính.....	16
1.4.2.Xác định giá trị TSCĐ trong quá trình nắm giữ, sử dụng	17
1.5. Kế toán chi tiết TSCĐ.....	18
1.5.1. Xác định đối tượng ghi TSCĐ	19
1.5.2. Nội dung kế toán chi tiết TSCĐ	19
a. Kế toán chi tiết tăng tài sản cố định.....	19
b.Kế toán chi tiết giảm tài sản cố định.....	21
1.6. Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ	22
1.6.1 Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ hữu hình.	22
1.6.2. Kế toán tổng hợp tăng giảm TSCĐ vô hình	29
1.6.3. Kế toán hao mòn và khấu hao tài sản cố định.	30
1.6.4. Kế toán sửa chữa TSCĐ	35
1.6.5. Kế toán tổng hợp TSCĐ thuê tài chính	36
1.6.6. Kế toán tổng hợp bất động sản đầu tư	37
1.7.Hệ thống sổ sách kế toán áp dụng trong kế toán tổng hợp TSCĐ.....	38
CHƯƠNG II: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI ĐA ĐỘ	48
2.1 Khái quát về công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đa Độ.....	48
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	48
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh.....	49
2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của công ty.....	50

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty	50
2.1.5 Công tác kế toán tại công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ	52
2.1.5.1 Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty	52
2.1.5.2 Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp áp dụng	54
2.2 Tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ	57
2.2.1 Đặc điểm TSCĐ của công ty	57
2.2.2. Công tác quản lý tài sản cố định tại công ty	57
2.2.3 Phân loại TSCĐ tại công ty	58
2.2.4 Đánh giá TSCĐ hữu hình của công ty	60
2.2.4.1 Đánh giá theo nguyên giá.	60
2.2.4.2. Đánh giá TSCĐ theo trị còn lại	61
2.2.4.3. Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn, và khấu hao TSCĐ.....	61
2.2.5 Kế toán chi tiết TSCĐ tại công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ.....	62
2.2.6 Kế toán tổng hợp TSCĐ tại công ty	64
2.2.6.1. Kế toán tổng hợp TSCĐ hữu hình	64
a.Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ.....	64
b.Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ	83
2.2.6.2.Kế toán tổng hợp về sửa chữa, nâng cấp TSCĐ.....	89
2.2.6.2. Kế toán tổng hợp TSCĐ vô hình	97
2.2.6.3. Kế toán Khấu hao TSCĐ.....	97
CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI ĐA ĐỘ.....	107
3.1 Những nhận xét, đánh giá về kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi Đa Độ	107
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán TSCĐ tại Công ty QLKT - CTTL Đa Độ	110
3.3. Điều kiện thực hiện.....	116
DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT	118
KẾT LUẬN	119